|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**BÁO CÁO TỔNG HỢP, GIẢI TRÌNH, TIẾP THU Ý KIỀN GÓP Ý**

**Dự thảo hồ sơ Lập đề nghị xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới Chương trình giáo dục mầm non**

Thực hiện Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tưởng Chính phủ, ngày 06/02/2024, Bộ GDĐT gửi hồ sơ kèm theo Công văn số 756/BGDĐT-GDMN đề nghị 12 bộ, ngành và Công văn số 757/BGDĐT-GDMN đề nghị Ủy ban nhân dân 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương góp ý hồ sơ Lập đề nghị xây dựng Nghị quyết Quốc hội về Đổi mới Chương trình GDMN (Nghị quyết). Đến ngày 25/4/2024, Bộ GDĐT đã nhận được văn bản góp ý của tất cả các bộ, ngành và địa phương. Các bộ, ngành, địa phương cơ bản nhất trí với chủ trương và dự thảo hồ sơ. Bên cạnh đó, các đơn vị có một số ý kiến góp ý cụ thể, Bộ GDĐT tổng hợp, giải trình, tiếp thu như sau:

| **TT** | **Nội dung văn bản** | **Các ý kiến đề xuất**  **chỉnh sửa, bổ sung/ Lý do, căn cứ** | **Ý kiến tiếp thu,**  **điều chỉnh hoặc bảo lưu** |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. Nghị quyết về đổi mới Chương trình giáo dục mầm non (GDMN)** | | |  |
|  | **Điều 1.** |  |  |
|  | **Điều 2.** |  |  |
|  | 1. Mục tiêu đổi mới | **Bộ Y tế đề nghị xem xét, bổ sung nội dung:**  - Khoản 1. Mục tiêu đổi mới: Đổi mới Chương trình GDMN nhằm tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả GDMN~~, giúp~~ phát triển toàn diện trẻ em mầm non về sức khỏe, thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của hành vi vệ sinh cá nhân, nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em sẵn sàng vào học lớp 1, ~~và các cấp học tiếp theo~~ đặt nền móng cho việc hình thành phát triển các giá trị cốt lõi của con người Việt Nam. | Bộ GDĐT bảo lưu vì phát triển toàn diện trẻ em mầm non về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách là đầy đủ và đúng theo yêu cầu tại Luật GD. |
|  |  | - **Thêm từ** “giúp”: “*Đổi mới chương trình GDMN nhằm tạo chuyển biến căn bản, toàn diện về chất lượng và hiệu quả GDMN,* ***giúp*** *phát triển…Việt Nam*” (**Bắc Ninh**)  - **Thêm cụm** từ (được in đậm): “…*chuẩn bị cho trẻ em sẵn sàng vào học lớp một và* ***các cấp học tiếp theo****, đặt nền móng cho việc hình thành phát triển … Việt Nam*” (**Hà Nội)** | - Đã tiếp thu và điều chỉnh  - Đã tiếp thu và điều chỉnh |
|  | 2. Yêu cầu đổi mới | **- Mục b:**  + Thêm cụm từ (được in đậm): “…*giảm thời gian làm việc của giáo viên mầm non* ***đảm bảo theo Luật Lao động*”** **(Hà Nội)**  + Diễn đạt: “… *Tiếp cận dựa trên* ….(*Lưu ý tiếng mẹ đẻ)*”thành(*lưu ý* ***ngôn ngữ mẹ đẻ của trẻ***) **(Hà Giang)**  + Thêm cụm từ “sự khác biệt của”: “*Tiếp cận dựa trên Quyền trẻ em; quan tâm thể hiện quan điểm tiếp cận hoà nhập, công bằng, bình đẳng và tôn trọng* ***sự khác biệt của*** *trẻ, …”.* **(Lai Châu)**  **- Mục c:**  + Thêm cụm từ “điều kiện thực tiễn của từng địa phương”: “*Đổi mới Chương trình GDMN phải phù hợp với điều kiện thực tiễn về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất của nhà trường, khả năng của trẻ em* ***và điều kiện thực tiễn của từng địa phương***”. **(Lai Châu, Quảng Ngãi)** | - Đã tiếp thu và điều chỉnh  - Đã tiếp thu và điều chỉnh thành “lưu ý ***ngôn ngữ*** tiếng mẹ đẻ ***của trẻ”*** và “tôn trọng ***sự khác biệt của trẻ”***  - Đã tiếp thu và bổ sung cụm ***từ “điều kiện thực tiễn của địa phương”*** |
|  | 3. Nội dung đổi mới | **Bộ Y tế đề nghị xem xét, bổ sung nội dung:**  ***- Điểm d)*** Cá nhân hóa quá trình GD, quan tâm phát triển sức khỏe, thể chất, tình cảm và kỹ năng xã hội ở trẻ; cụ thể hóa mục tiêu, nội dung GD ở từng độ tuổi hướng đến hình thành những chức năng tâm sinh lí, phẩm chất và năng lực tương ứng, đảm bảo nguyên tắc đồng tâm phát triển, liên thông chặt chẽ giữa các thành tố và nội dung của Chương trình;  ***- Điểm e)*** Bổ sung quy định về các điều kiện bảo đảm thực hiện Chương trình GDMN mới, nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của gia đình và cộng đồng. Yêu cầu thực hiện Chương trình làm cơ sở để các địa phương và nhà trường có chính sách huy động nguồn lực, sao cho vừa bảo đảm trẻ em được nuôi dưỡng, chăm sóc, GD lối sống lành mạnh, hình thành thói quen hành vi vệ sinh cá nhân có lợi cho sức khỏe, phòng chống bệnh, tật theo nhu cầu phát triển, vừa bảo đảm quyền trẻ em và bảo đảm quyền của cán bộ quản lý và giáo viên theo Bộ Luật Lao động. | - Bảo lưu diễn đạt như dự thảo Nghị quyết là đủ, khái quát.  - Tiếp thu các nội dung đề xuất về “sức khỏe, thể chất, ... GD lối sống lành mạnh, hình thành thói quen hành vi vệ sinh cá nhân có lợi cho sức khỏe, phòng chống bệnh, tật” sẽ được đưa vào dự thảo Chương trình và tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình GDMN mới. |
|  |  | - **Làm rõ** cụm: *“****người hỗ trợ trẻ em phát triển liên tục****”* **(Quảng Ninh)**  **- Mục b:** Nên diễn đạt như sau: *“… quan tâm thể hiện quan điểm tiếp cận hoà nhập, công bằng, bình đẳng và tôn trọng trẻ, vấn đề GD trẻ em có nhu cầu đặc biệt,* ***vấn đề phát triển ngôn ngữ cho trẻ****, trong đó … Chương trình GDMN”.* Lý do: Đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu trong văn bản quy phạm pháp luật. **(Quảng Ninh)**  **- Mục d:**  + Bỏ vế câu “*tiếp cận với các phương pháp GD tiên tiến*” vì trong: Chương trình GDMN tiên tiến trong khu vực và quốc tế đã có các phương pháp GD tiên tiến. **(Hà Nội)**  + Bổ sung: ***"Nội dung GD và kết quả mong đợi theo từng lĩnh vực GD được sắp xếp đảm bảo khoa học, phù hợp, đồng bộ thống nhất"*. (Quảng Ninh)**  **- Mục đ:**  + Thay thế từ “**mở**” (trong “Tăng cường tính “**mở**” của Chương trình) thành từ khác rõ nghĩa, dễ áp dụng hơn. **(Bình Thuận)**  + Bổ sung (từ được in đậm): Tăng cường tính “mở” của Chương trình GDMN  + Từ “**đối tác**” (*Mở rộng trách nhiệm và sự tham gia của các* ***đối tác*** *trong việc thực hiện Chương trình GDMN)* chưa rõ nghĩa, chưa thể hiện được thành phần theo quy định tại Điều lệ Trường mầm non và các văn bản có liên quan. **(Bình Thuận)**  + Thay *(Nhà trường, gia đình, cộng đồng)”* thành *(****cơ sở GDMN, gia đình, cộng đồng****)”* Lí do:để đảm bảo phạm vi áp dụng chương trình đối với tất cả các loại hình cơ sở GDMN. **(Quảng Ninh)**  + Bổ sung các cụm từ in đậm: “*Chương trình trao quyền nhiều hơn cho nhà trường trong phát triển Chương trình GD* ***trên cơ sở đảm bảo linh hoạt, phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ, điều kiện cơ sở vật chất, môi trường sống, bản sắc văn hóa của địa phương****, tăng cường quyền và năng lực tự chủ trong phát triển Chương trình GD của cơ sở GD”*. **(Hà Giang)**  **- Mục e:**  *+* Bỏ cụm từ *“và nhà trường”* vì nhà trường không có thẩm quyền ban hành chính sách, thêm từ *“Bộ*” trước cụm từ *“Luật Lao động”:* “…*Yêu cầu thực hiện Chương trình làm cơ sở để các địa phương ~~và~~* ***~~nhà trường~~*** *có chính sách huy động nguồn lực, sao cho vừa bảo đảm trẻ em được nuôi dưỡng, … theo* ***Bộ*** *Luật Lao động”*. **(Quảng Ninh)**  + Thêm từ “nhân viên”: “*bảo đảm quyền của cán bộ quản lý, giáo viên và* ***nhân viên*** *theo Luật Lao động*”. **(Hải Dương, Bắc Ninh)**  - Đề nghị bổ sung thêm **Mục f:** “Xây dựng chế độ sinh hoạt cho trẻ trong Chương trình quy định bảo đảm linh hoạt để đáp ứng những yêu cầu đa dạng trong thực tiễn hiện nay”. **(Hà Giang)** | - Đã điều chỉnh thành*“người hỗ trợ trẻ em phát triển”*  - Đã điều chỉnh cùng với các ý kiến khác thành “…vấn đề phát triển ngôn ngữ (lưu ý ***ngôn ngữ*** tiếng mẹ đẻ ***của trẻ***)...  - Tiếp thu và đã điều chỉnh ghép ý thành “…tiếp cận với các phương pháp GD, Chương trình GDMN tiên tiến trong khu vực và quốc tế,…”  - Bảo lưu vì các nội dung Mục d đã bao gồm các nội dung đề xuất bổ sung.  - Nội hàm tính “mở” đã được làm rõ trong điểm đ, khoản 3  - Đã tiếp thu và điều chỉnh  - Đã tiếp thu và điều chỉnh  - Đã tiếp thu và điều chỉnh  - Đã tiếp thu và điều chỉnh  - Đã tiếp thu và điều chỉnh  - Đã tiếp thu và điều chỉnh  - Đã tiếp thu và điều chỉnh |
|  |  | **Bộ Tư pháp**  ***- Về các điều kiện bảo đảm thực hiện (điểm e khoản 3 Điều 2)***  Đề cương dự thảo Nghị quyết đề xuất quy định “***bổ sung quy định về các điều kiện bảo đảm thực hiện*** *Chương trình GDMN mới, nhấn mạnh vai trò, trách nhiệm của gia đình và cộng đồng”* (điểm e khoản 3 Điều 2), Tuy nhiên, cơ quan lập đề nghị xây dựng chưa làm rõ các điều kiện cần bổ sung, cơ quan có thẩm quyền quyết định nội dung này… Bên cạnh đó, liên quan đến yêu cầu cần bảo đảm của Chương trình GDMN thì Luật GD đã quy định tại khoản 1 Điều 25[[1]](#footnote-1). Do đó, đề nghị nghiên cứu làm rõ các nội dung nêu trên. Trong đó, cần xác định việc bổ sung các điều kiện này có đặt ra thêm các yêu cầu bảo đảm khác so với Luật GD năm 2019 hay văn bản quy phạm pháp luật khác hay không? Nếu có, đề nghị làm rõ bổ sung tại văn bản quy phạm pháp luật nào? | Bộ GDĐT tiếp thu và tiếp tục nghiên cứu trong quá trình xây dựng Nghị quyết. Tuy nhiên Chương trình GDMN hiện hành, chương trình GDPT 2018 và các chương trình GD trên thế giới luôn có điều kiện thực hiện, việc bổ sung quy định về các điều kiện bảo đảm thực hiện Chương trình như trong điểm e, khoản 2 tại Nghị quyết là bổ sung nội dung cụ thể của Điều kiện. |
|  | **Điều 3. Tổ chức thực hiện Nghị quyết** |  |  |
|  | 1. Về lộ trình thực hiện: | **Bộ Tư pháp**  ***- Khoản 1.*** Dự thảo Nghị quyết xác định thực hiện thí điểm Chương trình GD mới trước khi ban hành theo đó “*từ năm học 2025 - 2026 đến năm học 2027 - 2028 thí điểm triển khai thực hiện Chương trình GDMN mới ở một số cơ sở GDMN*” (khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị quyết), tuy nhiên, nội dung thí điểm thuộc về quy trình xây dựng Chương trình GD. Do đó, đề nghị cân nhắc việc đưa ra giải pháp thí điểm tại dự thảo Nghị quyết. | Đã tiếp thu và điều chỉnh như sau:  Từ năm 2025 đến năm 2028 tổ chức hoàn thiện Chương trình GDMN mới; tập huấn, hướng dẫn chuyên môn cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non thực hiện Chương trình.  Năm 2029 đến năm 2030 thẩm định, ban hành Chương trình GDMN mới; hướng dẫn thực hiện và triển khai đại trà Chương trình GDMN mới trên phạm vi toàn quốc từ năm học 2029 - 2030. |
|  |  | - Cần làm rõ: Năm học 2028- 2029 làm gì, các đơn vị tham gia thí điểm có tiếp tục thí điểm nữa không? (**Hải Dương**)  - Đề nghị chỉnh lý cụm từ *“triển khai thực hiện đổi mới chương trình*  *GDMN mới”* thành *“triển khai thực hiện đổi mới Chương trình GDMN”* **(Đắc Lắc)** | - Đã tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung |
|  | 2. Về kinh phí thực hiện: | **- Mục a:** Đề nghị sửa từ **nêu** thành **bố trí** *“Kinh phí từ ngân sách nhà nước được* ***bố trí*** *trong dự toán ngân sách hàng năm”* **(Hà Tĩnh)**  **- Mục b:** Bổ sung (nội dung được in đậm): “Ưu tiên hỗ trợ đầu tư kinh phí cho các địa phương miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn để bảo đảm điều kiện tối thiểu thực hiện đổi mới Chương trình GDMN mới. *Trong trường hợp các địa phương nêu trên đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới thì vẫn tiếp tục được đầu tư các nguồn lực để đảm bảo các điều kiện thực hiện Chương trình GDMN”.* (Trà Vinh)  **Bổ sung nội dung:**  + Chính phủ ưu tiên hỗ trợ kinh phí cho các tỉnh chưa thực hiện tự cân đối ngân sách và các tỉnh bắt đầu tự thực hiện cân đối ngân sách (trong thời gian 03 năm tính từ ngày được Chính phủ phê duyệt. **(Bình Thuận).**  + Dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện cụ thể đối với địa phương miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn. **(Lạng Sơn)** | - Đã tiếp thu và điều  - Đã tiếp thu và điều chỉnh  - Đã tiếp thu và bổ sung  - Đã tiếp thu và bổ sung |
|  | 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện | Bổ sung thêm: Điều kiện, vị trí làm việc cho nhân viên, người lao động trong cơ sở GDMN. **(Vĩnh Phúc)** | - Đã tiếp thu và bổ sung |
|  | Ý KIẾN KHÁC | **- Trang 4:** Bổ sung thể thức văn bản:CHỦ TỊCH QUỐC HỘI | - Đã tiếp thu và bổ sung |
|  | **Về thể thức**  **Phần đầu** | Một số ý kiến góp ý chung về thể thức và diễn đạt  - **Bổ sung:** + Nét kẻ phía dưới Tiêu ngữ  + Thẩm quyền ban hành QUỐC HỘI (đầu văn bản phía bên trái); cuối văn bản phần ký của người có thẩm quyền “CHỦ TỊCH QUỐC HỘI”  + Số và ký hiệu văn bản  + Tiêu đề của các điều  + Điều khoản thi hành  + Trích yếu nội dung Nghị quyết phải được trình bày loại chữ in thường, kiểu chữ đứng, đậm. | Đã tiếp thu và điều chỉnh theo đúng quy định Nghị quyết số 351/2017 /UBTVQH14 ngày 14/3/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước (Mẫu số 5, Phụ lục kèm theo) |
|  |  | ***-* Phần căn cứ:** Đề nghị bổ sung Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019. | Sau khi nghiên cứu, Bộ GDĐT thấy rằng các luật này không phải là căn cứ để Quốc hội ban hành Nghị quyết nên xin được bảo lưu |
|  |  | **-** Tại khoản 2, phần căn cứ pháp lý,... **“Căn cứ Luật GD số 43/2019/QH14”.** Theo quy định tại khoản a mục 6phần II của Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP: *“Căn cứ ban hành văn bản**được ghi đầy đủ tên loại văn bản, số, ký hiệu, cơ quan ban hành, ngày tháng**năm ban hành văn bản và trích yếu nội dung văn bản* (riêng Luật, Pháp lệnh không ghi số, ký hiệu, cơ quan ban hành)” -> **Sửa lại:** “Căn cứ Luật GD ngày 14/6/2019”. Đề nghị rà soát vàsửa tương tự đối với các căn cứ là Luật. | Đã tiếp thu và điều chỉnh theo đúng quy định |
|  |  | Thống nhất sử dụng cụm từ “đổi mới chương trình giáo dục mầm non” trong nội dung của văn bản theo đúng tên của Nghị quyết (tại Khoản 1, 2, 3, Điều 3). | Đã tiếp thu và điều chỉnh |
| **II.** | **Tờ trình về việc xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN** | |  |
|  | **I. Sự cần thiết ban hành nghị quyết** | **Bộ Tài chính:** Nội dung tại Khoản 1, 2, 3 và 4 dự thảo Tờ trình Chính phủ do Bộ GD và Đào tạo (GD&ĐT) dự thảo là sự cần thiết đổi mới Chương trình GDMN, không phải sự cần thiết xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN. Do đó, đề nghị rà soát, sắp xếp lại nội dung mục này để phù hợp với tiêu đề Mục I dự thảo Tờ trình “Sự cần thiết ban hành Nghị quyết” | Đã tiếp thu và điều chỉnh |
|  |  | **Bộ Tư pháp :** Tại dự thảo Tờ trình cơ quan chủ trì lập đề nghị xây dựng đã phân tích cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn, căn cứ khoa học và kinh nghiệm quốc tế để xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN. Tuy nhiên, liên quan đến chương trình GD nói chung, Chương trình GDMN nói riêng, Luật GD năm 2019 quy định “*Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về GD.* ***Chính phủ trình Quốc hội trước khi quyết định*** *chủ trương lớn có ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ học tập của công dân trong phạm vi cả nước,* ***chủ trương về cải cách nội dung chương trình của một cấp học***” (khoản 1 Điều 105); “*Bộ trưởng Bộ GD và Đào tạo* ***ban hành Chương trình GDMN*** *sau khi được thẩm định của Hội đồng quốc gia thẩm định Chương trình GDMN” (*khoản 1 Điều 25)*;* “*Bộ trưởng Bộ GD và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định việc thực hiện chương trình GD và việc công nhận về giá trị chuyển đổi kết quả học tập trong đào tạo các trình độ của GD đại học, GD nghề nghiệp quy định tại Điều này*” (khoản 5 Điều 8)*.* Như vậy, Quốc hội chỉ cho ý kiến đối với chủ trương về cải cách nội dung Chương trình GDMN theo đề nghị của Chính phủ; đồng thời thẩm quyền ban hành Chương trình GDMN thuộc về Bộ trưởng Bộ GD và Đào tạo sau khi được Hội đồng quốc gia thẩm định. Do đó, **đề nghị giải trình thêm về thẩm quyền ban hành Nghị quyết này.** | Đã tiếp thu và điều chỉnh |
|  |  | **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**  - Khoản 3, Điều 25,Luật GD 2019 quy định “Bộ trưởng Bộ GD và Đào tạo ban hành Chương trình GDMN …”  - Điểm b, khoản 2, Điều 15 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “Quốc hội ban hành nghị quyết để quy định: Thực hiện thí điểm một số chính sách mới thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội nhưng chưa có luật điều chỉnh hoặc khác với quy định của luật hiện hành”.  Do vậy, đề nghị Bộ BGĐT: Làm rõ sự cần thiết phải ban hành Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN khác với thẩm quyền ban hành Chương trình GDMN được quy định tại khoản 3, Điều 25,Luật GD 2019. | Đã tiếp thu và điều chỉnh |
|  |  | **Bộ Kế hoạch và Đầu tư**  - Trong trường hợp cần thiết ban hành Nghị quyết, đề nghị đề xuất cụ thể những chính sách mới, đặc thù được đề xuất thí điểm tại Nghị quyết để làm căn cứ cho các cơ quan liên quan xem xét, cho ý kiến.  - Hiện nay, Bộ GDĐT đang triển khai xây dựng Nghị quyết của Quốc hội thí điểm phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo tại một số tỉnh, thành phố, đề nghị rà soát, tránh trùng lắp về chính sách được đề xuất tại các Nghị quyết. | - Bộ GDĐT tiếp thu ý kiến và sẽ nghiên cứu bổ sung lồng ghép với NQQH về PCGDMN trẻ em mẫu giáo.  - Chương trình GDMN mới không yêu cầu thay đổi cơ cấu và yêu cầu về số lượng GVMN, không có yêu cầu mới về cơ sở vật chất. Tuy nhiên hiện nay đội ngũ CBQL, GVMN còn thiếu; chất lượng đội ngũ, chế độ chính sách chưa đảm bảo; cơ sở vật chất trường lớp chưa được chuẩn hoá. Nhu cầu nguồn lực cho các điều kiện này được tính toán lồng ghép ở Đề án thực hiện Phổ cập GDMN trẻ em mẫu giáo. Ngoài ra Chính phủ sẽ cần đầu tư kinh phí để nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ CBQL, GVMN. |
|  | 1. Cơ sở pháp lí | **Bộ Ngoại giao:** Đề xuất Quý Bộ đề cập cụ thể “các điều ước quốc tế về quyền con người có liên quan mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia”, ví dụ Công ước Liên hợp quốc về Quyền Trẻ em. Bên cạnh đó, có thể đề cập đến việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDG) liên quan đến con người, trẻ em, GD. | Đã tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung |
|  |  | - Cần viết ngắn gọn hơn **(TP Hồ Chí Minh)**  - Bổ sung tiếp nối nội dung tại trang số 2, dòng số 8 *(từ trên xuống):* *“Đồng thời Văn kiện Đại hội XIII đã hướng đến xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, đáp ứng với yêu cầu mới:“Tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp GD và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”.* **(Bình Dương)** | - Đã tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung |
|  | 2. Cơ sở khoa học | - **Các trích dẫn:** cần có nguồn trích dẫn. **(TP Hồ Chí Minh)** | - Đã tiếp thu và bổ sung |
|  | 3. Cơ sở thực tiễn | **- Trang 4:** Bổ sung nội dung: “Chưa quan tâm thỏa đáng đến đời sống và chế độ ưu đãi đối với GVMN, thời gian làm việc, thang bậc lương thấp nhất hệ thống GD quốc dân, áp lực công việc, thiếu GV, chưa được quan tâm đưa GVMN vào nghề nặng nhọc, độ tuổi nghỉ hưu cao chưa phù hợp với đặc thù công việc, hạn chế về nguồn lực, chưa làm rõ vai trò trách nhiệm của các cấp, cộng đồng, xã hội đối với GDMN”. **(Điện Biên)** | - Đã tiếp thu và bổ sung |
|  | 4. Kinh nghiệm quốc tế | - **Bổ sung** (từ được in đậm):  + “…nhằm cung cấp cho trẻ cơ hội tiếp cận với **nuôi dưỡng**, chăm sóc, GD một cách thuận lợi và chất lượng nhất”  + “Mọi trẻ em **Việt Nam** cần được phát triển toàn diện…”  + Hướng dẫn quốc gia sẽ bao gồm hướng dẫn chung và hướng dẫn chi tiết, cụ thể tiêu chuẩn quốc gia về chương trình **GD.**  **+** Đó chính là kinh nghiệm quý báu cho Việt Nam (…) các tổ chức phi chính phủ cùng tham gia **xây dựng Chương trình** GDMN có chất lượng **(TP Hồ Chí Minh)**  **- Bổ sung:** + Trong điều kiện hiện nay của thế giới cũng như của Việt Nam, có rất nhiều quan điểm khác nhau **về xây dựng chương trình GDMN**. **Do đó,** việc xây dựng chương trình GDMN **quốc gia** (…) điều kiện thực tiễn **trong nước** một cách linh hoạt…  + Chuẩn bị sẵn sàng cho trẻ vào học lớp Một và **xây dựng nền tảng phát triển** năng lực học tập suốt đời.  + Trong các điều kiện (…) các tổ chức phi chính phủ cùng tham gia **phát triển** GDMN **đảm bảo** chất lượng**, hiệu quả. (Bắc Ninh)**  - Trang 5, dòng 17: đổi từ “bậc học” thành “**cấp học**” theo đúng quy định tại Luật GD. **(Hải Dương)** | - Đã tiếp thu và điều chỉnh, bổ sung  - Đã tiếp thu và bổ sung |
|  | 5. Sự cần thiết trình quốc hội | **- Bổ sung** (các từ in đậm): **“***Để thực hiện đổi mới (…) cơ sở vật chất****, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, học liệu dạy học*” (Bắc Ninh)**  **- Bổ sung và sửa các ý sau**:  + Nghị quyết của Quốc hội có vai trò quyết định việc thay đổi Chương trình GDMN hiện hành đáp ứng yêu cầu đổi mới theo Nghị quyết số 29-NQ/TW; yêu cầu về Chương trình GDMN quy định tại Luật GD số 43/2019/QH14; quy định về quyền trẻ em tại Luật trẻ em số 102/2016/QH13 và những cam kết thực hiện các công ước quốc tế của Chính phủ. Việc đổi mới Chương trình GDMN là hết sức cần thiết.  + Nghị quyết của Quốc hội đảm bảo việc thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình GDMN mới ở các vùng, miền từ trung ương đến địa phương, ở tất cả các cơ sở GDMN; đồng thời hướng dẫn các văn bản có liên quan và bảo đảm thực hiện các văn bản đó. **(Thái Bình)**  **- Thay cụm từ**:“các cấp chính quyền”thành “cả hệ thống chính trị”*:*  *“Để thực hiện đổi mới … cần phát huy vai trò trách nhiệm của* ***cả hệ thống chính trị****, của gia đình, cộng đồng xã hội.” (****Thái Bình)*** | - Đã tiếp thu và bổ sung  - Đã tiếp thu và bổ sung  - Bảo lưu để làm rõ trách nhiệm của các cấp và cụm từ đó đã có ở ý tiếp theo. |
|  | 6. Về phương án | **Bộ Tài chính:** Báo cáo đánh giá tác động đưa ra 03 phương án lựa chọn: Phương án 01 là giữ nguyên Chương trình GDMN hiện nay, Phương án 02 là điều chỉnh một số nội dung trong Chương trình GDMN, Phương án 03 là xây dựng mới Chương trình GDMN. Bộ GD&ĐT đề xuất lựa chọn Phương án 3. Tuy nhiên, tại Tờ trình Chính phủ chưa nêu các Phương án này và dự kiến lựa chọn phương án trình Quốc hội. Do đó, đề nghị bổ sung nội dung này vào Tờ trình Chính phủ. | - Đã tiếp thu và bổ sung |
|  |  | **Bộ Ngoại giao:** Đề xuất Quý Bộ bổ sung thông tin về việc tham khảo, tiếp thu ý kiến các chuyên gia GD, nhà khoa học về dự thảo Nghị quyết do đây là văn bản có tác động sâu sắc đến định hướng, Chương trình GDMN. | Bộ GDĐT tiếp thu ý kiến  - Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, đã có sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học về GD và GDMN.  - Thời gian tới, Bộ GDĐT tiếp tục xin ý kiến các chuyên gia GD, nhà khoa học, các đơn vị theo quy trình xây dựng dự thảo Nghị quyết. |
|  |  | **- Bổ sung** (từ được in đậm): *“Về đổi mới căn bản, … xã hội chủ nghĩa* ***và hội nhập quốc tế*”. (Thái Bình)**  **- Thay từ** “yêu cầu” thành “quy định”:*“thực hiện quy định về cơ quan quản lý nhà nước về GD của Luật GD số 43/2019/QH14”.* **(Thái Bình)** | - Đã tiếp thu và bổ sung  - Đã tiếp thu và điều chỉnh |
|  | **II. Mục đích, quan điểm xây dựng NQ** | |  |
|  | 1. Mục đích xây dựng nghị quyết | **- Bổ sung** cụm từ (được in đậm): *Thể chế hoá chủ trương của Đảng ... thực hiện đổi mới chương trình GDMN* ***trên địa bàn toàn lãnh thổ Việt Nam*** *nhằm tạo chuyển biến căn bản…”. (***Thái Bình)** | Bảo lưu vì Chương trình của quốc gia bảo đảm sử dụngtrên địa bàn toàn lãnh thổ Việt Nam. |
|  | 2. Quan điểm xây dựng nghị quyết | **- Bổ sung** nội dung sau thành ý đầu tiên:  - Việc xây dựng Nghị quyết đảm bảo đúng thời gian quy định về ban hành văn bản quy phạm pháp luật, về ngân sách nhà nước; phù hợp với tình hình thực tế. *(***Thái Bình)** | Bảo lưu vì đó là các yêu cầu khi thực hiện nhiệm vụ. |
|  | **III. Mục tiêu, yêu cầu, ND đổi mới chương trình GDMN** | |  |
|  | 1. Mục tiêu đổi mới | - **Bổ sung:** Tầm nhìn của chương trình đổi mới là 20 năm hay 30 năm … để có căn cứ cho các chuyên gia trong tham gia viết chương trình **(Hà Nội)**  - **Bổ sung từ** “ngôn ngữ”: “….trí tuệ, **ngôn ngữ và** thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em sẵn sàng vào học lớp một...” **(TP Hồ Chí Minh)** | - Đã tiếp thu và bổ sung“Đổi mới Chương trình GDMN đến năm 2030 tầm nhìn đến 2045**”.**  - Đã tiếp thu và bổ sung. |
|  | 2. Yêu cầu đổi mới | - **Cần quan tâm:** Đưa ngôn ngữ thứ 2 (Tiếng Anh), học các môn chuyên biệt với giáo viên chuyên biệt vào chương trình GDMN để đảm bảo mục tiêu tiếp cận đa văn hóa, tiêu chuẩn công dân toàn cầu, hội nhập quốc và phù hợp với tầm nhìn của chương trình. **(Hà Nội)**  **- Đề xuất:** Nên đưa quy định về việc hoàn thành chương trình GDMN vào văn bản để nâng cao vai trò vị thế của các cơ sở GDMN, tránh trường hợp phụ huynh không coi trọng việc hoàn thành chương trình mà đưa trẻ tham gia các lớp tiền tiểu học, học trước chương trình lớp 1. (**Hà Nội)**  **- Mục c:** Bổ sung (các từ được in đậm) Đổi mới Chương trình GDMN phải phù hợp với điều kiện thực tiễn về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất**, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, học liệu dạy học** của nhà trường và khả năng của trẻ em. **(Bắc Ninh)** | - Vấn đề này chưa được quy định trong Luật GD, cần được nghiên cứu cẩn trọng và đưa vào Luật  **-** Bộ GDĐT tiếp thu và bổ sung  - Đã tiếp thu và điều chỉnh |
|  | 3. Nội dung đổi mới | **Bộ Tài chính:** a) Nội dung đổi mới Chương trình GDMN hoàn toàn mang tính chuyên môn về lĩnh vực GD và đào tạo thuộc trách nhiệm của Bộ GD&ĐT; liên quan đến các quy định tại Luật Trẻ em, các cam kết quốc tế về quyền con người, quyền trẻ em, thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Ngoại giao. *Do đó, đề nghị Bộ GD&ĐT tổng hợp ý kiến của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Ngoại giao, ý kiến của các cơ quan chuyên môn ở trung ương và địa phương và các chuyên gia trong lĩnh vực GDMN* và bài học kinh nghiệm của quốc tế để hoàn thiện nội dung và giải pháp thực hiện nội dung này. | Bộ GDĐT đã tổng hợp ý kiến, tiếp thu và điều chỉnh |
|  |  | **Bộ Tài chính:** Đề nghị Bộ GD&ĐT rà soát lại các nội dung đổi mới tại dự thảo Tờ trình, trong đó làm rõ những nội dung nào là bổ sung mới, những nội dung nào kế thừa Chương trình GDMN hiện nay, báo cáo Quốc hội xem xét, quyết định. | - Đã tiếp thu và điều chỉnh |
|  |  | **- Bổ sung** thêm nội dung: “Tăng cường tổ chức các hoạt động GD có trọng tâm, có thực tiễn cao nhằm hình thành một số kĩ năng nền tảng cho trẻ trong thế kỉ XXI”. **(Bình Thuận)**  **- Cần giải thích từ ngữ khi sử dụng:**  + Mục a: “Chương trình được đổi mới...”,  + Mục đ : “Tăng cường tính “mở của Chương trình”  + Mục e: “Chương trình làm cơ sở... (**Kiên Giang)**  **-Mục e (trang 8):** Diễn đạt lại:*“mọi vấn đề trong GD trẻ em cần và phải thu hút, huy động sự tham gia của gia đình* ***vào******cùng giải quyết với nhà trường****”* thành: “*mọi vấn đề trong GD …, huy động sự tham gia của gia đình* ***để nhà trường và gia đình cùng giải quyết các vấn đề trong GD trẻ em****”****.*** **(Bình Định)** | - Bảo lưu vì ND này sẽ được cụ thể hóa mục c, d trong Tài liệu hướng dẫn thực hiện Chương trình  - Giải thích từ ngữđược thể hiện trong Dự thảo Chương trình  - Tiếp thu 1 phần và đã điều chỉnh |
|  | **IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN** | |  |
|  | 1. Xây dựng Chương trình GDMN mới | **Bộ Ngoại giao:** Đề xuất Quý Bộ cân nhắc bổ sung nội dung đánh giá việc thí điểm triển khai thực hiện Chương trình GDMN mới từ năm học 2025 - 2026 đến 2027 - 2028 để rút kinh nghiệm và điều chỉnh (nếu cần thiết) trước khi triển khai áp dụng đại trà trên phạm vi toàn quốc. | - Đã tiếp thu và bổ sung vào mục 3. Đánh giá độc lập  Bộ GDĐT tổ chức đánh giá độc lập việc chuẩn bị và triển khai thí điểm thực hiện Chương trình GDMN mới từ năm học 2025 - 2026 đến 2027 - 2028 để rút kinh nghiệm và điều chỉnh trước khi triển khai áp dụng đại trà trên phạm vi toàn quốc. |
|  | 2. Thí điểm thực hiện Chương trình GDMN mới |  |  |
|  | 3. Ban hành, triển khai thực hiện Chương trình GDMN mới | **- Bổ sung** (các từ được in đậm):  (…) bảo đảm đồng bộ các điều kiện về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý GD, cơ sở vật chất**, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, học liệu dạy học** để thực hiện đổi mới Chương trình GDMN mới;  (…) cơ sở vật chất, **trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, học liệu dạy học**; tổ chức hoạt động cơ sở GD để đảm bảo chất lượng thực hiện Chương trình GDMN mới. **(Bắc Ninh)** | - Đã tiếp thu và điều chỉnh |
|  | **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN** | |  |
|  | **1. Về lộ trình thực hiện:** | Để lộ trình thực hiện không bị ngắt quãng về thời gian, đề nghị bổ sung nội dung triển khai thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới năm học 2028-2029 (Gia Lai) | - Đã tiếp thu và điều chỉnh |
|  | **2. Về kinh phí thực hiện:** |  |  |
|  | ***2.1. Nhu cầu kinh phí*** | - Bổ sung nội dung nhu cầu kinh phí để thực hiện là bao nhiêu? **(Hải Dương, Gia Lai)** | Bộ GDĐT tiếp thu và bổ sung trong dự thảo Đề án, báo cáo tác động và trong Tờ trình TTg. |
|  | ***2.2. Nguồn kinh phí*** | **Bộ Tài chính:** Dự thảo Tờ trình không nêu số liệu cụ thể về kinh phí còn thiếu để thực hiện Chương trình GDMN hiện nay; số kinh phí dự kiến tăng chi thêm từ NSNN và các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện đổi mới Chương trình GDMN. Do đó, đề nghị Bộ GDĐT bổ sung đánh giá cụ thể về kinh phí, làm cơ sở để Quốc hội xem xét, quyết định việc đổi mới Chương trình GDMN. | Bộ GDĐT tiếp thu và bổ sung trong quá trình xây dựng Nghị quyết. |
|  | **3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện** | **Bộ Tài chính:** Trên cơ sở những hạn chế của việc thực hiện Chương trình GDMN hiện nay, đề nghị Bộ GD&ĐT đề xuất những văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, làm cơ sở để các Bộ, cơ quan rà soát các quy định có liên quan thuộc phạm vi quản lý. | Bộ GDĐT tiếp thu, tuy nhiên nội dung cụ thể này không được đề cập trong Nghị quyết mà trong Dự thảo Đề án đổi mới Chương trình GDMN (ĐA của CP nên CP sẽ phân công trách nhiệm của các Bộ, ngành theo đúng thẩm quyền) kèm theo Nghị quyết. |
|  | **3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện** | **- Mục a:** Bổ sung (những từ được in đậm): “… cán bộ quản lý GD, cơ sở vật chất**, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi, học liệu dạy học** để thực hiện đổi mới Chương trình GDMN mới; chỉ đạo việc thực hiện đổi mới Chương trình GDMN mới. **(Bắc Ninh)** | - Đã tiếp thu và điều chỉnh |
|  | Ý KIẾN KHÁC  (nếu có) | **- Bổ sung** “QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT” vào sau phần II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT Trước phần III. MỤC TIÊU, YÊU CẦU, NỘI DUNG ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH GDMN.” và gồm nội dung sau:  1. Ngày 15/01/2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 53/QĐ-TTg về Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; trong đó Giao Bộ GD và Đào tạo chủ trì xây dựng Nghị quyết Quốc hội về Đổi mới Chương trình GDMN.  2. Ngày 06/02/2024, căn cứ quy trình xây dựng Nghị quyết Quốc hội được ban hành tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ GD và Đào tạo đã ra công văn số 577/BGDĐT-GDMN về việc xin ý kiến góp ý hồ sơ Lập đề nghị xây dựng Nghị quyết.  3. Đến ngày 29/02/2024, Bộ GD và Đào tạo nhận được … ý kiến góp ý của các địa phương, đơn vị. Các địa phương, đơn vị còn lại không góp ý thì được xem là thống nhất với Dự thảo.  4. Bộ GD và Đào tạo tiếp thu, hoàn chỉnh Dự thảo hồ sơ Lập đề nghị xây dựng Nghị quyết trình Chính phủ. (**Thái Bình)**  - **Thay tên đề mục:** “MỤC TIÊU, YÊU CẦU, NỘI DUNG ĐỔI MỚI CHƯƠNG TRÌNH GDMN” thành: BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT, gồm các nội dung:  **1. Bố cục:**  Nghị quyết gồm 3 điều:   * Điều 1: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng. * Điều 2: Nội dung. * Điều 3: Tổ chức thực hiện   **2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết**  **2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:**  a) Phạm vi điều chỉnh:  Nghị quyết này quy định việc đổi mới Chương trình GDMN trên địa bàn toàn lãnh thổ Việt Nam.  b) Đối tượng áp dụng:  Nghị quyết này áp dụng đối với tất cả các địa phương, đơn vị, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đổi mới Chương trình GDMN trên địa bàn toàn lãnh thổ Việt Nam.  **2.2. Nội dung:** *(phần này giữ nguyên các nội dung như trong Dự thảo của Bộ GDĐT)*  **2.3. Tổ chức thực hiện:**  a) Giao Uỷ ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.  b) Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.  c) Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.  d) Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm … **(Thái Bình)** | Tiếp thu ý kiến và đã bổ sung mục VI.  - Bảo lưu theo các quy định cấu trúc dự thảo  - Đã tiếp thu và điều chỉnh một số nội dung phù hợp |
|  | **Ý kiến chung về thể thức văn bản** | **(1). Viết tắt:** cần thống nhất:  - Bộ GD và Đào tạo: Bộ GDĐT  - GD đào tạo: GDĐT  - GDMN: GDMN  - Dân tộc thiểu số: DTTS  - Cơ sở vật chất: CSVC,  - Khu công nghiệp: KCN  - Khu chế xuất: KCX,…  **(2). Viết hoa:** - Điều chỉnh và thống nhất một số cụm từ cần viết hoa: Luật GD, Đề án,…  - Cần thống nhất cách viết hoa các chữ cái trong các từ:  + Chương trình GDMN/ chương trình GDMN/ Chương trình GDMN;  + Chương trình GDMN/Chương trình.  + lớp Một/ lớp một  **(3). Sử dụng chữ**: ( li/ ly, kĩ/ kỹ...)  **(4). Dùng từ:**  - Bậc học mầm non/ Cấp học mầm non  - “nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ”/ “chăm sóc, GD trẻ”.  **(5). Dấu câu:**  - tình cảm xã hội/ tình cảm-xã hội/ tình cảm – xã hội (trang 2 - Dự thảo Nghị quyết)  - Thống nhất dấu câu sau các đề mục, các dấu “.” (dấu chấm) và “;” (dấu chấm phẩy) phù hợp ở cuối câu (Ví dụ: ở trang 2, 3 Dự thảo Nghị quyết Quốc hội tại Điều 2, nội dung 3...).  **(6). Lặp từ:** Từ “đã” trong câu “Việc xây dựng chương trình GDMN Việt Nam trong những năm tới cần vận dụng linh hoạt các quan điểm, cách tiếp cận ~~đã~~ đã được thực hiện …” (cuối trang 4 - Nghị quyết).  **(7). Lỗi đánh máy:**  ***\* Nghị quyết về Đổi mới chương trình GDMN***:  - Trang 3, dòng 9 (từ dưới lên): sửa **giaos -> giáo**  - Bổ sung đường kẻ ngang liền từ lề trái đến lề phải tại Điều cuối cùng của dự thảo Nghị quyết.  - bỏ dấu (:) phía sau nội dung khoản 1 và khoản 2 tại Điều 3 của Nghị quyết.  - Tại căn cứ pháp lý thứ 2, đề nghị chỉnh lý thành “*Căn cứ Luật Giáo*  - Bổ sung đánh số trang.  - Điểm đ khoản 3 Điều 2 dự thảo viết: *“Mở rộng…Chương trình GDMN (****Nhà*** *trường, gia đình, cộng đồng)”- Không viết hoa chữ* ***n***: “Mở rộng…Chương trình GDMN (**nhà** trường, gia đình, cộng đồng)”.  - Chưa định dạng trang văn bản.  - Tại mục 2 (Yêu cầu đổi mới), trang 1 (xem lại khoảng giữa các từ).  ***\* Tờ trình về việc xây dựng Nghị quyết:***  - Trang 4, dòng 8 (từ dưới lên): bổ sung dấu (:) vào từ “như sau”; dòng 3 từ dưới lên thừa chữ “đã”.  *-* Trang 5, dòng 4 (từ trên xuống): VN -> Việt Nam.  - Nội dung tiêu đề của Mục số 1, số 2 và số 3 Phần IVcần trình bày kiểu chữ đứng, đậm cho thống nhất;  - Bỏ dấu (:) phía sau nội dung Mục số 1 và số 2 Phần V;  - Mục số 2.1 Phần V chưa có nội dung triển khai trình bày. | - Đã tiếp thu và điều chỉnh  - Đã tiếp thu và điều chỉnh  - Đã tiếp thu và điều chỉnh  - Đã tiếp thu và điều chỉnh  - Đã tiếp thu và điều chỉnh  - Đã tiếp thu và điều chỉnh  - Đã tiếp thu cũng với ý kiến đơn vị khác điều chỉnh thành “cơ sở GDMN,...”  - Đã tiếp thu và điều chỉnh |

**III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG**

| **TT** | **Nội dung văn bản** | **Các ý kiến đề xuất**  **chỉnh sửa, bổ sung/ Lý do, căn cứ** | **Ý kiến tiếp thu,**  **điều chỉnh hoặc bảo lưu** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Góp ý chung | BỘ NGOẠI GIAO:  - Tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của Nghị quyết, liên quan đến nội dung về đánh giá tác động đối với hệ thống pháp luật của các chính sách, đề xuất Quý Bộ bổ sung nội dung đánh giá tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên để phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó, đề xuất đánh giá tính tương thích của nội dung Điều 2 dự thảo Nghị quyết với định hướng GD đối với trẻ em quy định tại Điều 29 Công ước về Quyền Trẻ em, cũng như bảo đảm lồng ghép nội dung về quyền trẻ em trong các biện pháp GD theo quy định của Công ước nêu trên (ví dụ như lồng ghép nội dung về phòng, chống bạo hành trẻ em theo quy định tại Điều 19 Công ước). | - Tiếp thu, điều chỉnh bổ sung 01 ý tại mục 4.3.2.5 phần a tác động tích cực đối với hệ thống pháp luật, như sau:  4.3.2.5. Tác động đối với hệ thống pháp luật  a) Tác động tích cực  - Chương trình GDMN mới được xây dựng có tính tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên[[2]](#footnote-2), đặc biệt là toàn bộ các vấn đề liên quan đến định hướng đổi mới Chương trình GDMN (được trình bày trong Điều 2 dự thảo Nghị quyết) có tính tương thích cao với định hướng GD đối với trẻ em được quy định tại Điều 29 Công ước về Quyền Trẻ em, cũng như bảo đảm lồng ghép nội dung về quyền trẻ em trong các biện pháp GD theo quy định của Công ước nêu trên (như lồng ghép nội dung về phòng, chống bạo hành trẻ em theo quy định tại Điều 19 Công ước). |
|  |  | 1. *Hình thức:*   + Báo cáo đánh giá tác động xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN:   * **Ý kiến của tỉnh Bình Phước:** Định dạng trang văn bản chưa đúng theo quy định (trang văn bản định ở lề trên). * **Ý kiến của thành phố Hà Nội:** Lỗi thể thức: đánh số trang sai thể thức; viết hoa chưa đúng quy định. * **Ý kiến của tỉnh Bình Phước, Bình Dương:**   **+**  Cụm từ “GDMN” được mã hóa 2 lần: trang 1 và trang 2 nhưng không viết tắt.  **+** Chưa mã hóa nhưng viết tắt “GDĐT”, “DTTS”, “CSVC”, “GV”, CBQL, GVMN.   * **Ý kiến của tỉnh Bình Phước, Bình Dương, Tiền Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu:** Cách viết hoa cụm từ Chương trình GDMN hay chương trình GDMN; Chương trình hay chương trình. * **Ý kiến của tỉnh Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, Hải Phòng:** Điều chỉnh thống nhất lỗi kĩ thuật, lỗi trình bày, viết hoá, viết tắt. * **Ý kiến của tỉnh Tiền Giang:** Cụm từ cha mẹ trẻ em thay cho từ “phụ huynh” đúng theo quy định tại Thông tư 55/2011 của Bộ GD và Đào tạo Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh. * ﻿**Ý kiến của Thành phố Hồ Chí Minh:** Thống nhất cách dùng các từ: “Bậc học” - “Cấp học”; “Chương trình GDMN” - “chương trình GDMN” - “Chương trình GDMN” -“chương trình GDMN”; cụm từ “nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ” - “chăm sóc, GD trẻ”; “lớp một” - “ lớp Một”; “trẻ em 5 tuổi” - “trẻ em năm tuổi”; “Chương trình GD phổ thông 2018” - “Chương trình GD phổ thông 2018”. Bổ sung từ “GDMN” sau cụm từ Tăng cường tính “mở” của Chương trình.  1. ﻿*Nội dung:*   **Ý kiến của tỉnh Bình Phước:**  - Thống nhất về cấu trúc và nội dung Tờ trình về việc xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN.  - Thống nhất về cấu trúc và nội dung Dự thảo Nghị quyết về đổi mới Chương trình GDMN. | Tiếp thu và đã chỉnh sửa |
|  | I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẤT CẬP TỔNG QUAN | |  |
|  | 1. Bối cảnh xây dựng Nghị quyết | **Ý kiến của tỉnh Bình Dương:** Phần I, tại mục 1 (Cơ sở pháp lý): Bổ sung tiếp nối nội dung tại trang số 2, dòng số 8 *(từ trên xuống):* *“Đồng thời Văn kiện Đại hội XIII đã hướng đến xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, đáp ứng với yêu cầu mới:“Tiếp tục đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình, phương thức, phương pháp GD và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, phát triển con người toàn diện, đáp ứng những yêu cầu mới của phát triển kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ, thích ứng với cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”.* | Tiếp thu và đã chỉnh sửa |
|  | II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH | **Ý kiến của tỉnh Thái Bình:**  Trong **Phần II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**  Đổi tên thành: ***Phần II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA NGHỊ QUYẾT***  Trong phần II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA NGHỊ QUYẾT, sẽ bao gồm các nội dung sau:  Để đạt được các mục tiêu đổi mới Chương trình GDMN trong bối cảnh mới, Bộ GD và Đào tạo đã tiến hành xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN… Chính sách Đổi mới Chương trình GDMN.  ***1. Xác định vấn đề bất cập***  ***2. Mục tiêu giải quyết vấn đề***  ***3. Giải pháp/ Phương án đề xuất giải quyết vấn đề***  ***4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị quyết và các đối tượng khác có liên quan***  ***5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn***  Trong Dự thảo, phần 3 và 4 đang được gộp lại thành 1 phần, gọi chung là Giải pháp/ Phương án giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, sau mỗi phần giải pháp là đánh giá tác động; nên sẽ khó để so sánh, đối chiếu các giải pháp với nhau và tìm ra giải pháp tối ưu nhất. Vì vậy, kiến nghị lập bảng Giải pháp và đánh giá tác động theo 05 tiêu chí cụ thể. Minh hoạ bằng bảng sau:  **Bảng giải pháp/ Phương án đề xuất giải quyết vấn đề và đánh giá tác động của giải pháp**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Tên giải pháp** | **Nội dung**  **giải pháp** | **Đánh giá tác động của giải pháp** | | | | | | Kinh tế | Xã hội | Giới | Thủ tục hành chính | Hệ thống pháp luật | | **1** | Giữ nguyên Chương trình GDMN |  |  |  |  |  |  | | **2** | Điều chỉnh một số nội dung trong Chương trình GDMN |  |  |  |  |  |  | | **3** | Xây dựng mới Chương trình GDMN |  |  |  |  |  |  |   ***5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn***  Kết cấu lại, thành:   * Trên cơ sở phân tích, đánh giá, so sánh các giải pháp và tác động của các giải pháp/ phương án cho thấy việc xây dựng mới Chương trình GDMN mang lại nhiều lợi ích cho trẻ em, cho các cấp trong quản lý nhà nước về GDMN và phù hợp với bối cảnh mới. * Với các lợi ích kể trên, Bộ GD và Đào tạo kiến nghị lựa chọn giải pháp Xây dựng mới Chương trình GDMN là biện pháp tối ưu nhất. * Trình Chính Phủ và Quốc hội thông qua Dự thảo xây dựng Nghị quyết về đổi mới Chương trình GDMN. *(Xác định thẩm quyền ban hành Nghị quyết để giải quyết vấn đề).* | Tiếp thu, điều chỉnh một số nội dung phù hợp và sẽ nghiên cứu, điều chỉnh trong quá trình xây dựng văn bản |
|  | *2.1. Xác định vấn đề bất cập* | **- Ý kiến của tỉnh Thái Bình**: Đề nghị bỏ tên gọi 1. Xác định chính sách, giữ nguyên nội dung làm đề dẫn, đoạn “Để đạt được các mục tiêu đổi mới Chương trình GDMN trong bối cảnh mới, Bộ GD và Đào tạo đã tiến hành xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN… Chính sách Đổi mới Chương trình GDMN.”  **- Ý kiến của tỉnh Bình Thuận:**  **+**  Trang 4, dòng 3 từ trên xuống, Ban Chấp hành Trung ngành => Ban Chấp hành Trung ương ngành.  + Trang 4, dòng 13 từ trên xuống, “tốt đẹo” => tốt đẹp.  + Trang 5, Mục 2.1.3: Đánh giá “Thiếu vị trí việc làm cho **nhân viên dinh dưỡng**”, tuy nhiên, theo Điều lệ trường Mầm non thì tên gọi là “nhân viên phục vụ công tác nuôi dưỡng”, theo hướng dẫn vị trí việc làm thì tên gọi là “nhân viên nấu ăn”. Do đó, cần xác định thống nhất tên gọi.  **- Ý kiến của tỉnh Đồng Tháp:** GV, GVMN - chưa có qui ước viết tắt.  **- Ý kiến của tỉnh Bình Thuận**:  + Sử dụng từ “**cắm bản**” (từ địa phương) trong cụm từ “Giáo viên cắm bản tại các điểm trường thiếu nhà công vụ” chưa phù hợp.  **+** Bổ sung nội dung tại Mục 2.1.2. Chưa đảm bảo đủ điều kiện để thực hiện Chương trình GDMN. Lý do: Quy định về nhiệm vụ của giáo viên (theo Điều lệ Trường mầm non) chưa nêu rõ nhiệm vụ thực hiện về công tác Phổ cập, tuy nhiên tình hình thực tế giáo viên mầm non thực hiện công tác Phổ cập ngoài giờ hành chính (kể cả cuối tuần), thời gian đó không được tính trong thời gian làm việc của giáo viên.  - **Ý kiến của thành phố Hà Nội:** Trang 6: Mục tiêu giải quyết vấn đề: chưa đề cập và giải quyết những khó khăn đã nêu ở mục Xác định những vấn đề bất cập. Vì nếu mục tiêu giải quyết mà không tính đến và giải quyết những khó khăn khi thực hiện chương trình GDMN hiện hành thì chương trình đổi mới cũng sẽ không tránh khỏi.  **- Ý kiến của tỉnh Bình Thuận**:  + Trang 6, dòng 2 từ dưới lên; Trang 21, dòng 3 từ dưới lên; Trang 23, dòng 8 từ dưới lên; Trang 24, dòng 13 từ dưới lên; Trang 25, dòng 9 từ dưới lên: “hoà nhập” => “hòa nhập”.  + Trang 11, dòng 6 từ trên xuống, “CS-GD”=> “cơ sở GD”.  - **Ý kiến của tỉnh Ninh Thuận:**  + Trang 6, từ trên xuống dòng 8 …cho thấy: kết quả chuẩn bị cho trẻ… Sửa thành:…cho thấy: Kết quả chuẩn bị cho trẻ…  ﻿+ Trang 6, từ trên xuống dòng 15 …nhu cầu đặc biệt,; khẳng định mạnh… Sửa thành:…nhu cầu đặc biệt; khẳng định mạnh…  + Trang 6, từ trên xuống dòng 27 …rào cản7 trong… Sửa thành…rào ﻿cản7 trong…  - **Ý kiến của tỉnh Bình Định:** Trang 8 “ thư thục” => tư thục (ĐỒng Tháp); - Lỗi chính tả: *“8h. ngày”.*  - **Ý kiến của tỉnh Lào Cai:**Sai lỗi chính tả tại dòng 18 trang 4: từ “tốt đẹo” đề nghị điều chỉnh ***“tốt đẹp”.***  - **Ý kiến của tỉnh Nam Định:** Trang 4 sửa từ “đẹo” thành từ “đẹp" trong “...truyền thống tốt đẹo của địa phương...”  - **Ý kiến của tỉnh Quảng Bình:** Điểu chỉnh câu “Thời gian làm việc trên lớp thường kéo dài tới 9-10h/ngày, thiếu giáo viên, bố trí làm quá giờ tiêu chuẩn nhưng nhiều nơi không trả được thêm giờ - (Trang 5) thành “ Thời gian làm việc trên lớp thường kéo dài tới 9 -10h/ngày, thiếu giáo viên, bố trí làm quá giờ theo tiêu chuẩn quy định nhưng nhiều nơi không trả được tiền thêm giờ; | Tiếp thu, chỉnh sửa |
|  |  | **Ý kiến của tỉnh Quảng Ngãi**: Tại điểm 2.1.5. Chương trình chưa thể hiện được tiếp cận năng lực, chưa liên thông đồng bộ với Chương trình GD phổ thông 2018, mục II. Đánh giá tác động của chính sách: “Ý kiến đánh giá của giáo viên mầm non năm tuổi và giáo viên lớp một…” đề nghị điều chỉnh: “Ý kiến đánh giá của giáo viên dạy lớp mẫu giáo 5-6 tuổi và giáo viên dạy lớp một…”. |  |
|  | *4.1. Giải pháp/Phương án 1. Giữ nguyên Chương trình GDMN hiện hành* | ﻿- **Ý kiến của tỉnh Ninh Thuận:** Trang 9, từ trên xuống dòng 8…thời giờ làm việc không quá 8h. ngày,…. Sửa thành…không quá 8h/ngày,…  - **Ý kiến của các tỉnh: Cà Mau 4,2%, Kiên Giang 9,8%, An Giang 9%, Trà Vinh 7%, Tiền Giang 7,4%, Gia Lai 8,3%, Đăk Nông 12,7%:** Trang 10 phần chú thích: Một số tỉnh có tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ rất thấp.  - **Ý kiến của tỉnh Tiền Giang:** Đề nghị điều chỉnh tỉ lệ huy động trẻ ra lớp đối với Tiền Giang vì cuối năm 2023, tỉ lệ trẻ nhà trẻ ra lớp đã đạt 17% theo chỉ tiêu Nghị quyết số 37/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang về Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2023.  **- Ý kiến của tỉnh Nam Định:** Tại dòng 4, trang 9: từ "nhân việc" đề nghị sửa thành "nhân viên".  **- Ý kiến của tỉnh Lào Cai:** Dòng 14 trang 10 cụm từ “Đồng bằng sông cửu long” đề nghị điều chỉnh “Đồng bằng sông Cửu Long”.  **- Ý kiến của tỉnh Nam Định:** Bớt từ lặp “đặc biệt” trong đoạn “...các điều kiện làm việc theo vị trí việc làm của cán bộ quản lý, nhân việc, đặc biệt là giáoviên mầm non, đặc biệt chế độ bất cập giữa thời gian làm việc của giáo viên trong cơ sở GDMN theo quy định của Chương trình GDMN hiện hành...).  - **Ý kiến của tỉnh Thanh Hóa**:  + Trang 8: bỏ dấu (+) dòng 19 từ trên xuống.  + Trang 9, dòng 8 từ trên xuống: sửa lại chính tả từ “quá 8h. ngày” thành “8h/ngày”.   * **Ý kiến của tỉnh Quảng Bình:**   **+**  Câu “các điều kiện làm việc theo vị trí việc làm của cán bộ quản lý, nhân việc, đặc biệt là giáo viên mầm non, đặc biệt chế độ bất cập giữa thời gian làm việc của giáo viên trong cơ sở GDMN theo quy định của Chương trình GDMN hiện hành với quy định về thời giờ làm việc không quá 8h. ngày, không quá 48 giờ/ tuần theo quy định của Luật Lao động số 45/2019/QH14” thành “ các điều kiện làm việc theo vị trí việc làm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, đặc biệt là bất cập về chế độ giữa thời gian làm việc thực tế của giáo viên mầm non tại cơ sở GDMN theo quy định của Chương trình GDMN hiện hành với quy định về thời giờ làm việc không quá 8h/ngày, 48 giờ/tuần theo quy định của Luật Lao động số 45/2019/QH14”  + Câu “Chương trình GDMN giữ nguyên hiện hành”- (Trang 9) thành “Chương trình GDMN hiện hành”. | Tiếp thu, chỉnh sửa |
|  | *4.2. Giải pháp/Phương án 2. Điều chỉnh một số nội dung trong Chương trình GDMN* | **- Ý kiến của tỉnh Lào Cai*:***  + Dòng 3, 4 trang 14 “(Luật Trẻ em, 2016 và Luật GD, 2019)” **đề nghị điều chỉnh** *(lý do thừa dấu phẩy)* ***“(Luật Trẻ em 2016 và Luật GD 2019)”;***  dòng 10, trang 16 "tiệm cận" đề nghị sửa ***"tiếp cận".***  ***+*** Dòng 13 trang 19 "các lưc lượng" đề nghị sửa thành "các lực lượng".  + Tại trang 21 "CT GDMN", "nội dung CT", "CT hiện hành" (Lý do: Một số cụm từ chưa có quy ước viết tắt).  - **Ý kiến của tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang:** Đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét Giải pháp/Phương án 3. Xây dựng mới Chương trình GDMN: Bổ sung đánh giá tác động về mức lương đối với giáo viên, nhân viên trong trường mầm non so với mức sống hiện nay và bổ sung thêm nội dung “Nhà nước cần quan tâm đầu tư ngân sách cho công tác bồi dưỡng, đào tạo nhân viên, nhất là nhân viên nấu ăn; quan tâm về chế độ lương đảm bảo ổn định cuộc sống, giúp nhân viên yên tâm công tác và phát huy tốt năng lực trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ” tại điểm b, ý 4.3.2.1, mục 4.3.2. |  |
|  | *4.3. Giải pháp/Phương án 3. Xây dựng mới Chương trình GDMN* | **Bộ Nội Vụ:** Đề nghị rà soát, bổ sung xác định cụ thể đối với từng nội dung Chương trình GDMN cần đổi mới, trên cơ sở đó xác định các nguồn lực, điều kiện, kinh phí, giải pháp thực hiện đối với từng phương án để báo cáo Chính phủ xem xét, lựa chọn phương án trình Quốc hội xem xét, quyết định. | Bộ GDĐT tiếp thu ý kiến và sẽ bổ sung nhu cầu nguồn lực và giải pháp thực hiện. |
|  |  | **Bộ Kế hoach và đầu tư:** Đề nghị Bộ GDĐT tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan để triển khai thực hiện | Bộ GDĐT đã tổng hợp ý kiến, tiếp thu và điều chỉnh |
|  |  | **Bộ Tài chính:** Nội dung đổi mới Chương trình GDMN hoàn toàn mang tính chuyên môn về lĩnh vực GD và đào tạo thuộc trách nhiệm của Bộ GD&ĐT; liên quan đến các quy định tại Luật Trẻ em, các cam kết quốc tế về quyền con người, quyền trẻ em, thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Ngoại giao. Do đó, đề nghị Bộ GDĐT tổng hợp ý kiến của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Ngoại giao, ý kiến của các cơ quan chuyên môn ở trung ương và địa phương và các chuyên gia trong lĩnh vực GDMN và bài học kinh nghiệm của quốc tế để hoàn thiện nội dung và giải pháp thực hiện nội dung này. | Bộ GDĐT đã tổng hợp ý kiến, tiếp thu và điều chỉnh |
|  |  | **Bộ Tư pháp**  ***1. Về giải pháp tăng cường tính “mở” của Chương trình GDMN mới (phương án 3, mục 4.3.1.2 phần II, trang 19)***  Dự thảo đề xuất giải pháp tăng cường tính “mở” của Chương trình GDMN mới là “***trao quyền nhiều hơn*** *cho nhà trường trong phát triển Chương trình GD,* ***tăng cường quyền và năng lực tự chủ*** *trong phát triển Chương trình GD của cơ sở GD*” (Giải pháp 3, mục 4.3.1.2 phần II, trang 19). Tuy nhiên, điểm c khoản 1 Điều 25 Luật GD năm 2019 đã quy định bảo đảm yêu cầu đối với Chương trình GDMN, trong đó có yêu cầu *được tổ chức thực hiện* ***linh hoạt, phù hợp*** *với điều kiện cụ thể của địa phương và cơ sở GDMN*. Do đó, đề nghị cơ quan lập đề nghị xây dựng làm rõ các nội dung: “trao nhiều quyền hơn” là trao thêm các quyền nào; việc “tăng cường quyền và năng lực tự chủ” là gồm những nội dung gì.  ***2. Về liên thông giữa Chương trình GDMN mới với Chương trình GD phổ thông (phương án 3, mục 4.3.1.3 và điểm a mục 4.3.2.1 phần II, trang 24)***  Dự thảo xác định Chương trình GDMN mới liên thông/kết nối với***chương trình GD phổ thông 2018****[[3]](#footnote-3)*(mục 4.3.1.3 và điểm a mục 4.3.2.1 phần II, trang 24)*,* tuy nhiên, khoản 1 Điều 24 Luật GD năm 2019 quy định “*Nội dung GDMN phải bảo đảm phù hợp với các độ tuổi và* ***liên thông với GD tiểu học***”. Do đó, đề nghị cơ quan lập đề nghị xây dựng nghiên cứu chỉnh lý nội dung này. | 1. Ý kiến về giải pháp tăng cường tính “mở”…  Tiếp thu, điều chỉnh phần viết để rõ hơn là:  *- Tăng cường tính “mở” của Chương trình*  + Chương trình trao quyền nhiều hơn cho nhà trường trong phát triển Chương trình GD, tăng cường quyền và năng lực tự chủ trong phát triển Chương trình GD của cơ sở GD. Cụ thể là: Trong văn bản Chương trình GDMN, sẽ có phần “Hướng dẫn thực hiện Chương trình GDMN” trong đó có quy định địa phương (theo từng cấp quản lý) thực hiện phát triển chương trình ở cơ sở GDMN đảm bảo Chương trình được tổ chức *thực hiện* ***linh hoạt, phù hợp*** *với điều kiện cụ thể của địa phương và cơ sở GDMN* (như điểm c khoản 1 Điều 25 Luật GD năm 2019 đã quy định), như:  2. Sở GD và Đào tạo, phòng GD và Đào tạo: Căn cứ Chương trình GDMN do Bộ GD và Đào tạo thực hiện hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kiểm tra việc các cơ sở GDMN thực hiện phát triển Chương trình GDMN theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện chương trình GD nhà trường bảo đảm chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ em tại địa phương.  3. Các cơ sở GDMN: Căn cứ vào Chương trình GDMN do Bộ GDĐT ban hành, mỗi cơ sở GDMN cụ thể hóa Chương trình GDMN cấp quốc gia do Bộ GD và Đào tạo ban hành để trở thành Chương trình GD nhà trường, phù hợp với thực tiễn của cơ sở GDMN; chủ động thực hiện cụ thể hóa kết quả mong đợi và lựa chọn, bổ sung, cụ thể hóa nội dung GD theo từng độ tuổi của trẻ nhà trẻ, mẫu giáo để đảm bảo Chương trình GDMN được tổ chức *thực hiện* ***linh hoạt, phù hợp*** *với điều kiện cụ thể của cơ sở GDMN*, nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ em tại cơ sở GDMN.  4. Giáo viên mầm non: Trên cơ sở Chương trình GD nhà trường, GVMN chủ động xây dựng, điều chỉnh và thực hiện kế hoạch GD của nhóm, lớp bảo đảm bám sát các quan điểm GD; tuân thủ nguyên tắc sư phạm, yêu cầu, quy định của Chương trình GDMN, phù hợp khả năng của cá nhân trẻ và điều kiện thực tế của nhóm, lớp, giúp trẻ đạt kết quả dựa trên kết quả mong đợi của Chương trình GD nhà trường.  5. Trên cơ sở khung thời gian năm học do Bộ GD và Đào tạo quy định và phân phối thời gian các ngày trong tuần, thời gian theo chế độ sinh hoạt cho trẻ ở các độ tuổi trong Chương trình, các cơ sở GDMN tổ chức thực hiện và phát triển Chương trình đáp ứng sự đa dạng các vùng, miền nhu cầu của các đối tượng trẻ khác nhau và năng lực của giáo viên.  ***2. Ý kiến về tính liên thông.***  Tiếp thu, sửa là:  *- Về Mục tiêu của Chương trình*  Thể hiện mục tiêu GDMN theo Luật GD 2019 và làm rõ thể hiện Chương trình GDMN kết nối với chương trình GD phổ thông 2018 (cấp tiểu học), trong đó n*ội dung GDMN bảo đảm phù hợp với các độ tuổi và* ***liên thông với GD tiểu học,*** cùng góp phần hình thành hệ giá trị cốt lõi của con người Việt Nam mới, tập trung vào các giá trị: Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo. |
|  |  | * **Ý kiến của tỉnh Hải Dương:** Cần gửi kèm dự thảo CT mới có cơ sở đánh giá tác động.   **- Điều chỉnh lỗi chính tả:**  + **Lào Cai:**Không viết hoa chữ C trong Chương trình, GDMN sửa thành GDMN, dân tộc thiểu số thành DTTS (Bắc Ninh); Tại trang 21 ***"CT GDMN", "nội dung CT", "CT hiện hành"*** *(Lý do: Một số cụm từ chưa có quy ước viết tắt).*  + **Ý kiến của các tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, Bình Thuận, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Cà Mau, Hồ Chí Minh, Dak Lak, Sóc Trăng, Bình Dương:** Còn nhiều lỗi văn bản, lỗi chính tả. VD: Chưa có quy ước/mã hóa nhưng đã viết tắt (“GDĐT”, “DTTS”, “CSVC”, “GV” “GD”, “GDMN”....); Định dạng trang văn bản chưa đúng theo quy định (trang văn bản định ở lề trên); cần thống nhất các cụm từ được viết tắt (Chương trình GDMN, Chương trình GDMN, Chương trình GDMN....). Đề nghị chỉnh lý, sử dụng cụm từ “Chương trình GDMN” trong xuyên suốt văn bản cho thống nhất nhằm đúng quy định viết hoa trong văn bản hành chính (hiện cụm từ này trong văn bản dự thảo đang trình bày theo 3 kiểu viết khác nhau); sử dụng cách viết đúng quy cách cụm từ “GDMN.  + **Ý kiến của tỉnh Tiền Giang:**Cần thống nhất các cụm từ viết tắt tại văn bản và phần chú thích (ví dụ: GDĐT, GDMN, CBQL, GVMN,... ). Cách viết hoa cụm từ Chương trình GDMN hay chương trình GDMN; Chương trình hay chương trình. Cụm từ cha mẹ trẻ em thay cho từ “phụ huynh” đúng theo quy định tại Thông tư 55/2011 của Bộ GD và Đào tạo Ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.  + **Ý kiến của tỉnh Ninh Thuận*:*** Một số lỗi văn bản: Trang 24, từ dưới lên dòng 17: Bỏ dấu cách trước “địa phương” trong đoạn …quốc **gia, địa** phương… Trang 24, từ dưới lên dòng 13: Bỏ dấu phẩy trước 2018 trong đoạn “...chương trình GD phổ **thông, 2018**....”.  + **Ý kiến của tỉnh Bình Định**: Vị trí các từ trong cụm từ chưa phù hợp với GDMN: *“chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ, GD trẻ em”* tại mục **a) Tác động tích cực**, ý 2 - Đối với đội ngũ cán bộ quản lí và giáo viên mầm non(trang 23). Đề nghị điều chỉnh lại như sau: *“nuôi dưỡng, chăm sóc, GD và bảo vệ trẻ em”.*   * **Ý kiến của tỉnh Bình Định: *Thống nhất thuật ngữ:*** Trang 18: mục 4.3.1.1: Định hướng xây dựng chương trình GDMN mới hay Định hướng đổi mới chương trình GDMN, cần đồng nhất với các văn bản. (Hà Nội); Chưa thống nhất cách sử dụng từ: tỉ lệ/tỷ lệ (trang 13); *“8h/ngày”* hay *“8 tiếng/ngày”* (trang 8 và trang 23); *“chăm sóc- GD”/ “chăm sóc, GD”* (trang 23); *“tình cảm - xã hội”/ “tình cảm, xã hội”/ “tình cảm xã hội”* (trang 19, trang 21, trang 25). * **Ý kiến của tỉnh Trà Vinh:** Thống nhất cụm từ viết tắt trong toàn văn bản (GDMN/GDMN). * **Ý kiến của thành phố Hà Nội:** ***Điều chỉnh diễn đạt:*** Trang 20: mục 4.3.1.3: về chế độ sinh hoạt cho trẻ: cần bổ sung cụm từ: “và thời gian sinh hoạt một ngày” vào câu: “Cụ thể, Chương trình GDMN mới chỉ gợi ý chế độ sinh hoạt của trẻ em (hoạt động và khoảng thời gian) còn chế độ sinh hoạt cụ thể và thời gian sinh hoạt một ngày thì trao quyền cho địa phương và nhà trường quyết định để phù hợp với tình hình thực tiễn. * **Ý kiến của tỉnh Lạng Sơn, Bắc Giang:** ***Xem xét nội dung Giải pháp/Phương án 3. Xây dựng mới Chương trình GDMN:*** Bổ sung đánh giá tác động về mức lương đối với giáo viên, nhân viên trong trường mầm non so với mức sống hiện nay và bổ sung thêm nội dung “*Nhà nước cần quan tâm đầu tư ngân sách cho công tác bồi dưỡng, đào tạo nhân viên, nhất là nhân viên nấu ăn; quan tâm về chế độ lương đảm bảo ổn định cuộc sống, giúp nhân viên yên tâm công tác và phát huy tốt năng lực trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ”* tại điểm b, ý 4.3.2.1, mục 4.3.2. | * Các ý kiến góp ý về chữ viết tắt: Tiếp thu và bổ sung quy ước viết tắt trong toàn văn bản * Các ý kiến góp ý về sử dung thống nhất thuật ngữ:   + “8h/ngày” hay “8 tiếng/ngày” (trang 8 và trang 23) 🡪 thống nhất “8 giờ/ngày”  + “chăm sóc- GD”/ “chăm sóc, GD” (trang 23) 🡪 thống nhất “chăm sóc, GD”  +“tình cảm - xã hội”/ “tình cảm, xã hội”/ “tình cảm xã hội” (trang 19, trang 21, trang 25). --> thống nhất dùng tình cảm - xã hội”  + Trang 18: mục 4.3.1.1: Định hướng xây dựng chương trình GDMN mới hay Định hướng đổi mới chương trình GDMN: bảo lưu vì không khác nhau về nghĩa   * Ý kiến góp ý về lỗi chính tả, lỗi phông chữ: tiếp thu, rà soát và sửa * Ý kiến về Vị trí các từ trong cụm từ chưa phù hợp với GDMN: “chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ, GD trẻ em” tại mục a) Tác động tích cực, ý 2 - Đối với đội ngũ cán bộ quản lí và giáo viên mầm non (trang 23) 🡪 tiếp thu và điều chỉnh lại trật tự các từ theo Điều 3, TT49/2020/TT-BGDĐT: “đảm bảo tính chính xác khoa học; hài hòa giữa bảo vệ, chăm sóc, nuôi dưỡng và GD trẻ.” * Ý kiến về xem xét nội dung Giải pháp/Phương án 3. Xây dựng mới Chương trình GDMN:   + Bổ sung đánh giá tác động về mức lương đối với giáo viên, nhân viên trong trường mầm non so với mức sống hiện nay 🡪 cơ quan nghiên cứu không đủ căn cứ để bổ sung phần này, kính chuyển các cơ quan có chức năng quản lí xem xét bổ sung |
|  | 5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn |  |  |
|  | III. Ý KIẾN THAM VẤN | **Ý kiến của tỉnh Bình Định:** Điều chỉnh lại *“8h/ngày”*; *“với chương trình GD phổ thông, 2018 giúp”*; *“cộng đồng trong trong nuôi dưỡng,”*; *“Quốc Hội” tại mục* **III. Ý KIẾN THAM VẤN**(trang 28). | Tiếp thu, chỉnh sửa |
|  | IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ |  |  |
|  | Ý KIẾN KHÁC  (nếu có) | - **Ý kiến của tỉnh Hải Dương:** Cần gửi kèm dự thảo Chương trình GDMN để có cơ sở đánh giá tác động tích cự, tiêu cực của phương án 3.  **- Ý kiến của tỉnh Bắc Ninh:**Thống nhất sử dụng cụm từ viết tắt trong nội dung các dự thảo văn bản của Bộ GDĐT: GD và đào tạo (GDĐT), GDMN (GDMN), dân tộc thiểu số (DTTS), cơ sở vật chất (CSVC), khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất (KCX),…*(Đã góp ý trực tiếp vào các dự thảo văn bản gửi kèm).*  \* So với văn bản xin ý kiến số 577, tên gọi của 2 báo cáo khác nhau:  - Báo cáo đánh giá tác động việc thực hiện Chương trình GDMN.  - Báo cáo đánh giá tác động xây dựng Nghị quyết của Quốc hội về đổi mới Chương trình GDMN.  **Ý kiến của tỉnh Thái Bình:** Vậy 02 báo cáo có phải cùng 01 nội dung không?  - **Ý kiến của tỉnh Thanh Hóa**: Cần đánh số trang vào giữa trên văn bản theo quy định.  **- Ý kiến của tỉnh Quảng Bình:**  **+** Điều chỉnh thời gian “Hà Nội, ngày…tháng 12 năm 2023” thành “Hà Nội, ngày…tháng…năm 2024” để thống nhất với các văn bản khác.  + Đã quy định viết tắt cụm từ “GDMN” ở đầu văn bản thì không nên quy định tiếp ở giữa văn bản và cần sử dụng từ viết tắt trong toàn văn bản.  + Thống nhất trong văn bản “lớp một” hay “lớp Một”.  - **Ý kiến của tỉnh Lào Cai:** Báo cáo đánh số trang ở cuối trang văn bản chưa đúng *(Lý do: Theo quy định tại điểm 7, mục I, Phần I, Phụ lục I, Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2024).* |  |

**IV. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

| **TT** | **Nội dung văn bản** | **Các ý kiến đề xuất**  **chỉnh sửa, bổ sung/ Lý do, căn cứ** | **Ý kiến tiếp thu,**  **điều chỉnh hoặc bảo lưu** |
| --- | --- | --- | --- |
|  | GÓP Ý CHUNG | **Bộ Nội vụ:** Về Báo cáo đánh giá kết quả 10 năm triển khai thực hiện Chương trình GDMN: Đề nghị rà soát, bổ sung số liệu, phụ lục đánh giá thực trạng 10 năm triển khai thực hiện Chương trình GDMN; đồng thời rà soát, bổ sung đánh giá rõ những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế để làm cơ sở đề xuất các giải pháp, cơ chế, chính sách phù hợp.  **Ý kiến của tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận:** Báo cáo đánh giá kết quả 10 thực hiện Chương trình GDMN  - Một số từ đã mã hóa nhưng không viết tắt “khu công nghiệp”, “khu chế xuất”, “GDMN”, “cán bộ quản lý”.  - Một số từ chưa mã hóa nhưng đã viết tắt như: GD, CBQL, CBQLGD, GVMN, CSGDMN, DTTS, DTTS&MN, CSVC, LTLTT, SDD, NCL.  - Một số từ viết tắt nhưng chưa thống nhất như: BGDĐT, BGD&ĐT.  - Chưa thống nhất sử dụng cụm từ: “nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ”.  **Ý kiến của tỉnh** **Bà Rịa - Vũng Tàu:**  Định dạng trang văn bản chưa đúng theo quy định (trang văn bản định ở lề trên);  - Khoảng cách dấu (,) dòng 20, dòng 25 từ trên xuống (trang 2); dư dấu (,) dòng 3 từ trên xuống (trang 3); lỗi chính tả “đẹp -đẹo” dòng 20 từ trên xuống (trang 4);  - Mã hóa nhưng không viết tắt “khu công nghiệp, khu chế xuất” dòng 5 từ dưới lên, trang 4, trang 8, dòng 1 từ dưới lên, trang 13; “GDMN” trang 6, trang 12; “phổ cập **giáo** ducm mầm non cho trẻ năm tuổi” dòng 9, dòng 20 từ dưới lên, tramg 12;  - Viết tắt chưa đồng nhất “BGDĐT- BGD&ĐT”, trang 5;  - Chưa mã hóa một số từ, nhưng đã viết tắt “CBQL, GVMN, GD, DTTS&MN, DTTS, CSVC, LTLTT, CSGDMN, SDD, KTXH, CSGS, NCL”;  - Định dạng tỷ lệ % chưa đồng nhất “khi thì dùng dấu phẩy (,) khi thì dùng dấu chấm (.)” trang 15.  - Mục 1.2 dòng 11 từ trên xuống, trang 5, đề nghị bỏ từ “khoảng”.  - Báo cáo hiện nay là kết quả 10 năm, đến năm 2020, cần cập nhật kết quả thực hiện Chương trình từ năm 2009 đến nay (15 năm). | Đã tiếp thu chỉnh sửa rà soát, bổ sung số liệu, phụ lục đánh giá thực trạng 10 năm triển khai thực hiện Chương trình GDMN; đồng thời rà soát, bổ sung đánh giá rõ những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế để làm cơ sở đề xuất các giải pháp, cơ chế, chính sách phù hợp.  - Tiếp thu chỉnh sửa  - Tiếp thu chỉnh sửa |
|  | **Ý kiến địa phương** | - **Ý kiến của tỉnh Bình Dương:**Một số từ đã mã hóa nhưng không viết tắt “khu công nghiệp”, “khu chế xuất”, “GDMN”, “cán bộ quản lý”; Một số từ chưa mã hóa nhưng đã viết tắt như: GD, CBQL, CBQLGD, GVMN, CSGDMN, DTTS, DTTS&MN, CSVC, LTLTT, SDD, NCL; Một số từ viết tắt nhưng chưa thống nhất như: BGDĐT, BGD&ĐT, GDĐT, GV, GDMN; Chưa thống nhất sử dụng cụm từ: “nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ”.  - **Ý kiến của tỉnh Bắc Ninh, Sóc Trăng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Cà Mau, Bình Dương:**Thống nhất sử dụng cụm từ viết tắt trong nội dung các dự thảo văn bản của Bộ GDĐT: GD và đào tạo (GDĐT), GDMN (GDMN), dân tộc thiểu số (DTTS), cơ sở vật chất (CSVC), khu công nghiệp (KCN), khu chế xuất (KCX), CĐSP, PCGDMNTMG, SDD, KTXH, GDMN NCL, KCN-KCX, CBQLGD, CT GDMN, MTQGXDNTN.…; Chú ý một số lỗi kỹ thuật trong toàn văn bản.  **- Ý kiến của tỉnh Thanh Hóa:**  + Văn bản cần căn lề lại theo quy định; đánh số trang vào giữa trên văn bản.  + Trang 16: Thiếu số liệu năm học 2010 -2011.  **- Ý kiến của tỉnh Đồng Tháp:**Nên thống nhất cách viết hoa, viết tắt trong các Dự thảo và điều chỉnh một số lỗi kĩ thuật, đánh số trang.  **- Ý kiến của thành phố Hà Nội:**  + Về nội dung: Thống nhất về sử dụng từ ngữ giữa dự thảo tờ trình với dự thảo nghị quyết, dự thảo báo cáo 10 năm, dự thảo tác động.  VD: Trong dự thảo Nghị quyết sử dụng cụm từ “Tiếp cận năng lực dựa trên tình cảm- xã hội”; Trong dự thảo Tờ trình sử dụng “Tiếp cận năng lực định hướng tình cảm- xã hội”; Trong dự thảo báo cáo 10 năm sử dụng “… tiếp cận (quan điểm tiếp cận) phát triển năng lực người học dựa trên trục phát triển tình cảm-xã hội”...  **- Ý kiến của tỉnh Bình Thuận:**Trang 16, dòng đầu tiên: “năm học 2010-2Các” sửa thành “Năm học 2010 – 2011” | - Tiếp thu chỉnh sửa |
|  | Phần II. ĐÁNH GIÁ VỀ CHƯƠNG TRÌNH VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN | |  |
|  | I. ĐÁNH GIÁ VỀ CHƯƠNG TRÌNH VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH | |  |
|  | 1.1. Đánh giá về Chương trình | - **Ý kiến của TP Hải Phòng:** Khoản 1.1 Mục 1 Phần II. Đánh giá về Chương trình (Trang 3): bổ sung từ *“và hạn chế, khó khăn”* vào cụm từ *“…cho thấy chương trình hiện hành có một số ưu điểm sau:*” thành “*….cho thấy chương trình hiện hành có một số ưu điểm và hạn chế, khó khăn sau:*” vì trong phần nội dung có đánh giá.  - **Ý kiến của tỉnh Ninh Thuận:** Trang 3 từ trên xuống dòng 3… Đầu tư cho GDMN còn thấp,; xu... Sửa thành:… Đầu tư cho GDMN còn thấp; xu...  - **Ý kiến của tỉnh Đồng Tháp và Hải Phòng**: Trang 3, mục b), c) sửa “+) thành “-“ ở các đầu dòng; Thống nhất cách trình bày giữa các phần: cách đánh thứ tự bằng số, bằng chữ cái, dấu gạch (-), dấu (+).  - **Ý kiến của tỉnh Ninh Thuận**: Trang 4 từ trên xuống dòng 20 …hóa truyền thống tốt đẹo của địa phương và Việt Nam…. Sửa thành: …hóa truyền thống tốt đẹp của địa phương và Việt Nam  - **Ý kiến của tỉnh Bình Thuận, Đồng Tháp:** Trang 4, dòng 20 từ trên xuống, tốt đẹo =. Tốt đẹp  - **Ý kiến của tỉnh Bình Thuận:**  + Trang 5, dòng 24 từ trên xuống, chất lương, => chất lượng.  + Trang 6, dòng 2 từ trên xuống, dân tôc => dân tộc.  - **Ý kiến của tỉnh Bến Tre:** Đối với *“Báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chương trình GDMN”*: các sai sót về lỗi chính tả và trình bày văn bản. Cụ thể: dư khoảng trắng “có hiệu quả , mang..” trang 2, “GVMN, công” trang 5, “nhà quản lý” trang 6, “chính sách; về” trang 10; thiếu khoảng trắng “căn bản,toàn” trang 2; thừa dấu câu “GDMN còn thấp,;” trang 3; chính tả “tốt đẹo” trang 4; chưa thống nhất cách trình bày “chăm sóc, nuôi dưỡng GD”, “nuôi dưỡng, chăm sóc, GD” trang 10; thiếu dấu câu “GD phổ thông Một” trang 21; chưa thống nhất cách viết “Chương trình GDMN” và “chương trình GDMN”. | - Tiếp thu chỉnh sửa |
|  | 1.2. Đánh giá về triển khai thực hiện Chương trình | - **Ý kiến của các tỉnh Bắc Ninh, Bình Thuận, Đồng Tháp, Tuyên Quang, Lào Cai:** ***Về quy ước viết tắt và lỗi chính tả:***  Tại trang 5 dòng 9 bỏ (& trong từ Bộ GD&ĐT); từ viết tắt không đúng quy định, không đồng nhất tại trang 7 dòng 5 từ dưới lên và 11 từ dưới lên (GV, giáo viên); Trang 11 dòng 4 (DTTS&MN) với trang 11 dòng 14, dòng 24 từ trên xuống dưới.  Tại trang 5, mục 1.2. Đánh giá về triển khai thực hiện Chương trình, ... đề nghị xem xét, điều chỉnh số liệu chính xác.  “tốt đẹp” ở dòng 9, trang 4, Báo cáo đánh giá kết quả 10 năm triển khai thực hiện Chương trình GDMN.   * **Ý kiến của tỉnh Cà Mau**: Lỗi chính tả ở trang 11: GD hoà nhập, nhất là GD hoà nhập cho trẻ khuyết tật.   Định dạng trang văn bản chưa đúng theo quy định (trang văn bản định ở lề trên).  Khoảng cách dấu (,) dòng 20, dòng 25 từ trên xuống (trang 2); dư dấu (,) dòng 3 từ trên xuống (trang 3); lỗi chính tả “đẹp - đẹo” dòng 20 từ trên xuống (trang 4).   * **Ý kiến của tỉnh Dak Nong**: Mã hóa nhưng không viết tắt “khu công nghiệp, khu chế xuất” dòng 5 từ dưới lên, trang 4, trang 8, dòng 1 từ dưới lên, trang 13; “GDMN” trang 6, trang 12; “phổ cập GDMN cho trẻ năm tuổi” dòng 9, dòng 20 từ dưới lên, trang 12 * ***Thống nhất chữ viết tắt, thuật ngữ:***   **Ý kiến của tỉnh Đồng Tháp**: Nên thống nhất viết lớp một hay lớp 1 vì ở trang 6 viết lớp một; Chỉnh căn đều đoạn từ “Vì vậy, việc xây dựng…  **Ý kiến của tỉnh Dak Lak**: Đề nghị chỉnh lý, sử dụng cụm từ “Chương trình GDMN” trong xuyên suốt văn bản cho thống nhất nhằm đúng quy định viết hoa trong văn bản hành chính (hiện cụm từ này trong văn bản dự thảo đang trình bày theo 3 kiểu viết khác nhau).  **- Ý kiến của tỉnh Lạng Sơn:**Xem xét một số nội dung tại trang 5, mục 1.2.1. Ban hành các văn bản chỉ đạo và triển khai các chuyên đề chuyên môn để nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN,... đề nghị xem xét, bổ sung *(Quyết định số 1609/QĐ-TTg ngày 26/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình “Hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030”; Quyết định số 2029/QĐ-BGDĐT ngày 13/07/2023 của Bộ trưởng Bộ GD và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Hỗ trợ phát triển GDMN vùng khó khăn giai đoạn 2022 - 2030).*  ***Mục 1.2.1.*** *Ngày 25/2/2018 Bộ GDĐT đã ban hành kế hoạch số 56/KH-BGDĐT về việc triển khai chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2016-2020…*Sửa ngày, thành:  *Ngày 25/01/2017 Bộ GDĐT đã ban hành kế hoạch số 56/KH-BGDĐT về việc triển khai chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” giai đoạn 2016-2020…*  + *Thông qua thực hiện chuyên đề, các cơ sở GDMN đã tích cực thực hiện các giải pháp triển khai thực hiện Chương trình, thông qua thực hiện các tiêu chí của Chuyên đề, các cơ sở GDMN đã thực hiện được mục tiêu, nội dung, phương pháp, đánh giá sự phát triển của trẻ theo yêu cầu của Chương trình GDMN.* Kết cấu lại, thành:  **Ý kiến của tỉnh Thái Bình:** *Các cơ sở GDMN đã tích cực thực hiện nhiều giải pháp triển khai thực hiện Chuyên đề, đạt được mục tiêu, nội dung, phương pháp, đánh giá sự phát triển của trẻ theo yêu cầu của Chương trình GDMN.*  - *Bộ GDĐT đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Đề án Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số (Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 2/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ), thực hiện Đề án các địa phương đã tập trung nguồn lực, đào tạo bồi dưỡng CBQL, GVMN về nội dung, phương pháp về tăng cường tiếng Việt cho trẻ nhằm giúp trẻ tham gia tốt vào các hoạt động GD, chuẩn bị tốt cho trẻ sẵn sàng vào học lớp một.*  **Ý kiến của tỉnh Thái Bình:**  - Bổ sung và kết cấu lại, thành: *Bộ GDĐT đã tham mưu trình Chính phủ ban hành Đề án Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025 (Quyết định số 1008/QĐ-TTg ngày 02/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ), thực hiện Đề án một số địa phương vùng dân tộc thiểu số đã tập trung nguồn lực, đào tạo bồi dưỡng CBQL, GVMN về nội dung, phương pháp tăng cường tiếng Việt cho trẻ nhằm giúp trẻ tham gia tốt vào các hoạt động GD, chuẩn bị tốt cho trẻ sẵn sàng vào học lớp một.*  ***1.2.4. Tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế***  Bổ sung ý và sửa, thành: *Bộ GDĐT nhận được sự hỗ trợ của Tổ chức UNICEF trong việc: Tổ chức rà soát, điều chỉnh hoàn thiện Chương trình đáp ứng yêu cầu thực tiễn; tổ chức tập huấn hướng dẫn thực hiện chương trình GDMN; thực hiện chuyên sâu nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình cụ thể một số nội dung: Hướng dẫn thực hiện chương trình vùng khó, triển khai Thang đánh giá phát triển trẻ em từ 3 đến 5 tuổi, thích ứng Bộ công cụ đánh giá việc thực hiện Chương trình GDMN, Thang đánh giá phát triển trẻ thơ và GD phát triển tình cảm - kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non.*  **Ý kiến của tỉnh Bình Phước:** Mục 1.2 Đánh giá về triển khai thực hiện Chương trình (Trang 5) bỏ nội dung: “(bổ sung số liệu % chính xác)” và bỏ từ “khoảng” trước các số liệu minh chứng. Cụ thể như sau: Từ: “Sau hơn 10 năm tổ chức thực hiện (từ năm học 2009-2020) với sự chỉ đạo sâu sát, hiệu quả của Bộ GD&ĐT, sự triển khai kịp thời, đồng bộ với nhiều biện pháp linh hoạt, sáng tạo của các địa phương, cơ sở GDMN, đến nay Chương trình GDMN đã được thực hiện ở khoảng 15.500 trường mầm non (100%), với khoảng 5.300.000 trẻ, tỷ lệ trẻ học 2 buổi/ngày theo Chương trình GDMN khoảng 99% (bổ sung tỷ lệ% chính xác)” thành: “Sau hơn 10 năm tổ chức thực hiện (từ năm học 2009-2020) với sự chỉ đạo sâu sát, hiệu quả của Bộ GD&ĐT, sự triển khai kịp thời, đồng bộ với nhiều biện pháp linh hoạt, sáng tạo của các địa phương, cơ sở GDMN, đến nay Chương trình GDMN đã được thực hiện ở 15.500 trường mầm non (100%), với 5.300.000 trẻ, tỷ lệ trẻ học 2 buổi/ngày theo Chương trình GDMN 99%”. | * Tiếp thu chỉnh sửa |
|  | *1.2.1. Ban hành các văn bản chỉ đạo và triển khai các chuyên đề chuyên môn để nâng cao chất lượng thực hiện chương trình GDMN* |
|  | 1.2.2. Tổ chức tập huấn hướng dẫn triển khai thực hiện Chương trình GDMN |
|  | *1.2.3. Tổ chức kiểm tra, giám sát, nắm tình hình, hỗ trợ thực hiện Chương trình GDMN của địa phương* | * Tiếp thu chỉnh sửa |
|  | *1.2.4. Tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế* | * Tiếp thu chỉnh sửa * Tiếp thu chỉnh sửa |
|  | *1.2.5. Hạn chế* |  |  |
|  | II. CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH | |  |
|  | 2.1. Một số kết quả thực hiện chính sách để đảm bảo chất lượng triển khai thực hiện Chương trình | Rà soát lỗi chính tả và thống nhất các cụm từ viết tắt: GDMN, Khu công nghiệp, Dân tộc thiểu số...(Bắc Ninh, Bình thuận,Đồng Tháp, Nam Định) | - Tiếp thu chỉnh sửa |
|  | 2.2. Tiếp cận Chương trình và điều kiện bảo đảm chất lượng |  |  |
|  | *2.2.1. Tiếp cận Chương trình* | **Ý kiến của tỉnh Bắc Ninh:**Mục 2.2.1. Bỏ chữ c viết hoa trong từ Chương trình. Tương tự ở mục a thuộc 2.2.1 cũng cần bỏ chữ c viết hoa trong từ Chương trình. | - Tiếp thu chỉnh sửa |
|  | *2.2.2. Các điều kiện đảm bảo chất lượng thực hiện chương trình* | **Ý kiến của tỉnh Bắc Ninh, Bình Thuận, Đồng Tháp:** Sửa các cụm từ viết tắt: GVMN, GD ĐT, GDMN và chữ cái đầu tiên của Chương trình GDMN và các lỗi chính tả, dấu cách.  **Ý kiến của tỉnh Bắc Giang, Lạng Sơn, Hải Dương:** Đề nghị bổ sung số liệu việc triển khai các mô hình trường học chất lượng cao, trường học tiên tiến tại các thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh.  **Ý kiến của tỉnh Thái Bình:**  2.2.2.1. Mạng lưới trường, lớp.  Bổ sung từ, thành:  … Cả nước có 15.480 trường mầm non (năm học 2020-2021), tăng 2.504 trường mầm non so với năm học 2010-2011…  2.2.2.3. Đầu tư kinh phí, cơ sở vật chất  - Sửa tên phần a) Về đầu tư tài chính thành a) Về đầu tư kinh phí  - Bổ sung từ (đoạn 4), thành:  Điều 96 Luật GD quy định: Nhà nước ưu tiên đầu tư hàng đầu cho việc bố trí ngân sách GD, bảo đảm ngân sách nhà nước chi cho GD, đào tạo tối thiểu là 20% tổng chi ngân sách nhà nước; ngân sách nhà nước chi cho GD được phân bổ theo nguyên tắc công khai, dân chủ; căn cứ vào quy mô GD, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng, bảo đảm ngân sách để thực hiện phổ cập GD...  Mục b) Cơ sở vật chất: Bỏ câu: Phòng tạm, mượn giảm rõ rệt do trùng câu.  - Bổ sung từ và kết cấu lại đoạn 1, thành:  Trong năm học 2020-2021, toàn ngành vẫn còn thiếu 48.718 giáo viên. Nhiều địa phương thiếu chỉ tiêu biên chế, một số địa phương thiếu nguồn tuyển dụng do chính sách đãi ngộ chưa thoả đáng, thiếu nguồn tuyển đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên theo Luật GD…. Do biến động của dịch COVID-19, sau thời gian dịch bệnh kéo dài, các cơ sở GDMN ngoài công lập đứng trước nguy cơ không có đủ nguồn giáo viên để tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ. Đây là khó khăn rất lớn cho nhiều tỉnh, thành phố khi thực hiện Đề án phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo. Chính phủ cần có các giải pháp linh hoạt về cơ chế tuyển dụng, hợp đồng đối với giáo viên mầm non để đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo.  - Kết cấu lại đoạn 3, thành:  Chế độ lương và các thu nhập khác …. Tình trạng thiếu giáo viên, việc bố trí làm quá giờ tiêu chuẩn song nhiều nơi giáo viên không được trả thêm tiền quá giờ làm….  **Ý kiến của tỉnh Thanh Hoá:**  - Trang 16, dòng 1: Thiếu năm học 2010 -2011.  - Trang 21, mục 2.3.2.1: Báo cáo nêu “Xuất phát điểm của GDMN khá thấp so với các bậc học khác”.  Đề nghị sửa thành: “Xuất phát điểm của cấp học GDMN khá thấp so với các cấp học khác”.  - Trang 22, xem lại: Theo báo cáo của Học viện Tài chính năm 2020, đến năm 2017 mức chi cho GDMN có tăng lên nhưng chi thường xuyên cho GDMN thấp hơn GD tiểu học là 14%, thấp hơn GD trung học cơ sở là 6%./. + Sửa lỗi đánh máy.  **Ý kiến của tỉnh Lâm Đồng:** Sửa lỗi đánh máy “chất lượng” ở dòng 24, trang 5, Báo cáo đánh giá kết quả 10 năm triển khai thực hiện Chương trình GDMN.  **Ý kiến của thành phố Hồ Chí Minh:** Không viết tắt từ VN (dòng thứ 5 - trang 5, văn bản Tờ trình); từ GD (trang 21- văn bản Báo cáo thực hiện Chương trình GDMN). | - Tiếp thu chỉnh sửa |
|  | 2.3. Một số hạn chế, khó khăn và nguyên nhân | **Ý kiến của Bộ Tài chính:** Đề nghị Bộ GD&ĐT bỏ nhận định *“Mặc dù đã có Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập… Đến nay, chưa có Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính về Nghị định số 60 nên chưa thực hiện được”* (trang 23) do Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập để hướng dẫn Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.  **Ý kiến của Bộ Tài chính:** Dự thảo Báo cáo đánh giá 10 năm triển khai thực hiện Chương trình GDMN tập trung vào các nội dung chuyên môn nhưng chưa có nội dung đánh giá về nguồn lực tài chính, nguồn lực xã hội hóa tương ứng. Đối với nguồn lực từ NSNN, dự thảo Báo cáo mới đánh giá tổng thể về NSNN chi cho GD, đào tạo nói chung, chưa có đánh giá chi tiết về việc sử dụng nguồn NSNN gắn với các nhiệm vụ, chương trình cụ thể trong phát triển GDMN. Tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động cũng chưa có nội dung đánh giá tác động về nguồn lực thực hiện, trong đó có nguồn lực từ NSNN (bao gồm nguồn ngân sách Trung ương và nguồn ngân sách địa phương). Do đó, đề nghị Bộ GD&ĐT chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan Trung ương và đặc biệt là các địa phương bổ sung đánh giá nguồn lực tài chính thực hiện Chương trình để đảm bảo việc đánh giá đầy đủ, toàn diện. | Tiếp thu chỉnh sửa, tiếp tục nghiên cứu và điều chỉnh trong quá trình xây dựng Nghị quyết |
|  |  | **Ý kiến của các tỉnh Bắc Ninh, Bình Thuận, Đồng Tháp, Bạc Liêu, Cà Mau:**Đề nghị sửa về hình thức, diễn đạt, chính tả, thống nhất các thuật ngữ viết tắt GDMN, KCN... | Tiếp thu chỉnh sửa |
|  |  | **Ý kiến của tỉnh Dăk Nông:** Mục 2.3.2.3. Đề nghị sửa thành “Tài chính, ngân sách cho GDMN không đủ cho mục tiêu phát triển GDMN”. | Tiếp thu chỉnh sửa |
|  | 2.3.1. Hạn chế, khó khăn | **Ý kiến của tỉnh Thái Bình:**Ở trang 21 đề nghị bổ sung từ và kết cấu lại đoạn 1, thành: Trong năm học 2020-2021, toàn ngành vẫn còn thiếu 48.718 giáo viên. Nhiều địa phương thiếu chỉ tiêu biên chế, một số địa phương thiếu nguồn tuyển dụng do chính sách đãi ngộ chưa thoả đáng, thiếu nguồn tuyển đáp ứng trình độ chuẩn được đào tạo từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên theo Luật GD…Do biến động của dịch COVID-19, sau thời gian dịch bệnh kéo dài, các cơ sở GDMN ngoài công lập đứng trước nguy cơ không có đủ nguồn giáo viên để tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, GD trẻ. Đây là khó khăn rất lớn cho nhiều tỉnh, thành phố khi thực hiện Đề án phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo. Chính phủ cần có các giải pháp linh hoạt về cơ chế tuyển dụng, hợp đồng đối với giáo viên mầm non để đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện phổ cập GDMN cho trẻ em mẫu giáo.  - Kết cấu lại đoạn 3, thành: *Chế độ lương và các thu nhập khác …. Tình trạng thiếu giáo viên, việc bố trí làm quá giờ tiêu chuẩn song nhiều nơi giáo viên không được trả thêm tiền quá giờ làm…* | Tiếp thu chỉnh sửa |
|  | *2.3.2. Nguyên nhân* | **Ý kiến của Bộ Tài chính**, tại mục 2.3.2.3. Đề nghị Bộ GD&ĐT rà soát để có nhận định đầy đủ, khách quan về tỷ lệ chi NSNN cho GD&ĐT gắn với bối cảnh và quy mô của nền kinh tế, trên cơ sở đó hoàn thiện dự thảo Báo cáo đánh giá 10 năm triển khai thực hiện Chương trình GDMN: *“Quy định của Chính phủ về định mức chi ngân sách, tỷ trọng tối thiểu chi ngân sách cho hoạt động GD (20%) có xu hướng giảm dần. Nguồn lực tài chính nhà nước những năm gần đây gặp nhiều khó khăn; nhiều chương trình, đề án không đảm bảo kinh phí để triển khai, vì vậy, không hoàn thành mục tiêu theo kế hoạch”.*  Theo quy định tại Nghị quyết số 29-NQ/TW: *Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong đầu tư phát triển GD&ĐT,* ***tối thiểu ở mức 20% tổng chi ngân sách[[4]](#footnote-4)***;  Khoản 1 Điều 96 Luật GD 2019 quy định: *Nhà nước ưu tiên hàng đầu cho việc bố trí ngân sách GD, bảo đảm ngân sách nhà nước (NSNN) chi cho GD&ĐT tối thiểu là* ***20%*** *tổng chi NSNN.*  Tại điểm 2 mục I phần thứ hai Báo cáo kèm theo công văn số 1405-CV/BCSĐ ngày 17/8/2023 của Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính gửi Ban cán sựđảng Bộ GD&ĐT báo cáo về việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW (được trích dẫn lại tại công văn số 1805-CV/BCSĐ ngày 05/01/2024 của Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính gửi Bộ GD&ĐT tham gia ý kiến Đề án tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW) đã nêu: NSNN chi cho lĩnh vực GD&ĐT giai đoạn 2018-2020 đã cơ bản đảm bảo mức 20% tổng chi NSNN. Đối với giai đoạn 2021-2022, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, việc thực hiện giãn cách xã hội đã tác động đến hoạt động thường xuyên của ngành GD, cùng với việc chuyển hình thức dạy và học từ trực tiếp sang trực tuyến, dẫn đến tổng chi NSNN cho ngành GD bị ảnh hưởng nhưng vẫn tăng về số tuyệt đối (*Năm 2022 tổng chi NSNN cho ngành GD là 345.748 tỷ đồng, tăng 39.950 tỷ đồng so với tổng chi NSNN cho ngành GD năm 2021 là 305.798 tỷ đồng*)[[5]](#footnote-5). Dự kiến chi NSNN cho lĩnh vực GD&ĐT sẽ tiếp tục tăng, trong đó cơ cấu chi theo hướng giảm dần chi thường xuyên, tăng chi không thường xuyên để thực hiện các chương trình, dự án,... được cấp có thẩm quyền giao. | Tiếp thu, tiếp tục nghiên cứu và điều chỉnh trong quá trình xây dựng Nghị quyết |
|  |  | **Ý kiến của tỉnh Thái Bình:** *Ở trang 22, mục*2.3.2.1. Xuất phát điểm của GDMN còn khá thấp so với các bậc học khác đề nghị sửatừ “mẫu giáo” thành từ “mầm non” trong câu: “… đưa trẻ em mẫu giáo đến trường để tiếp cận với Chương trình GDMN còn hạn chế” | - Tiếp thu chỉnh sửa |
|  |  | **Ý kiến của tỉnh Thái Bình:** *Ở trang 24, mục**2.3.2.3. đề nghị s*ửa, bổ sung từ và kết cấu lại đoạn từ *“Nguồn lực tài chính…mục tiêu phổ cập”,* thành: *“Nguồn lực tài chính … Đối với GDMN, Quyết định số 1677/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án phát triển GDMN giai đoạn 2018-2025….; Quyết định số 1436/QĐ-TTg về Đề án bảo đảm cơ sở vật chất cho chương trình GDMN và GD phổ thông giai đoạn 2017-2025 nguồn kinh phí từ Vốn trái phiếu Chính phủ, Vốn hỗ trợ thực hiện thông qua Chương trình MTQGVNTM 2016-2020, Vốn ngân sách trung ương cho sự nghiệp GDĐT. Tuy nhiên, nguồn ngân sách trung ương thấp (chỉ mang tính hỗ trợ, định hướng đầu tư 10,8%, kinh phí thực hiện chương trình chủ yếu từ nguồn ngân sách của địa phương và các nguồn thu hợp pháp khác) song nguồn thu hợp pháp khác chỉ chiếm 22,7%. Quyết định quan trọng nhất để thực hiện mục tiêu Đề án Phổ cập GDMN cho trẻ em năm tuổi cũng không đủ nguồn lực tài chính. Đến tháng 12/2015, kinh phí thực hiện Quyết định 239 là 10.770/14.660 tỷ đồng…….”* | Tiếp thu chỉnh sửa |
|  |  | **Ý kiến của tỉnh Thanh Hóa:**  *- Tại trang 21, mục 2.3.2.1: Báo cáo nêu “Xuất phát điểm của GDMN khá* thấp so với các bậc học khác” *đề nghị sửa thành:* “Xuất phát điểm của cấp học GDMN khá thấp so với các cấp học khác”.  - Trang 22, xem lại: Theo báo cáo của Học viện Tài chính năm 2020, đến năm 2017 mức chi cho GDMN có tăng lên nhưng chi thường xuyên cho GDMN thấp hơn GD tiểu học là 14%, thấp hơn GD trung học cơ sở là 6%. | Tiếp thu chỉnh sửa |

1. Khoản 1 Điều 25 Luật Giáo dục năm 2019 quy định “*Chương trình giáo dục mầm non phải bảo đảm các yêu cầu sau đây: a) Thể hiện mục tiêu giáo dục mầm non; b) Quy định yêu cầu cần đạt ở mỗi độ tuổi, các hoạt động giáo dục, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, môi trường giáo dục, đánh giá sự phát triển của trẻ em; c) Thống nhất trong cả nước và được tổ chức thực hiện linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương và cơ sở giáo dục mầm non.*” [↑](#footnote-ref-1)
2. Nội dung đánh giá tác động này phù hợp vớquy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định 34/2016/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật [↑](#footnote-ref-2)
3. Mục 4.3.2.1 phần II dự thảo Báo cáo đánh giá tác động xác định: *Chương trình giáo dục mầm non được xây dựng theo tiếp cận năng lực, định hướng tình cảm, xã hội của trẻ em; đảm bảo tính liên thông tốt hơn với giáo dục phổ thông*… [↑](#footnote-ref-3)
4. Khoản 7 Mục III Phần B Nghị quyết số 29-NQ/TW; [↑](#footnote-ref-4)
5. Tổng chi NSNN cho GD&ĐT 2021,2022: Bao gồm dự toán chi TX theo Nghị quyết của Quốc hội (Nghị quyết số 128/2020/QH14 ngày 12/11/2020 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2021 và Nghị quyết số 34/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2022) và số chi đầu tư, chi khác do các đơn vị cung cấp; [↑](#footnote-ref-5)